

Số: 47/DAG - QIICĐ

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh,**

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

- Mã chứng khoán: DAG

- Địa chỉ: Lô 1 CN5 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024 3734 2888

Fax: 024 3793 8942

- E-mail: cbtt@dag.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2023

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2024 tại đường dẫn <https://www.dag.com.vn/danh-muc-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đường Ngọc Diệu



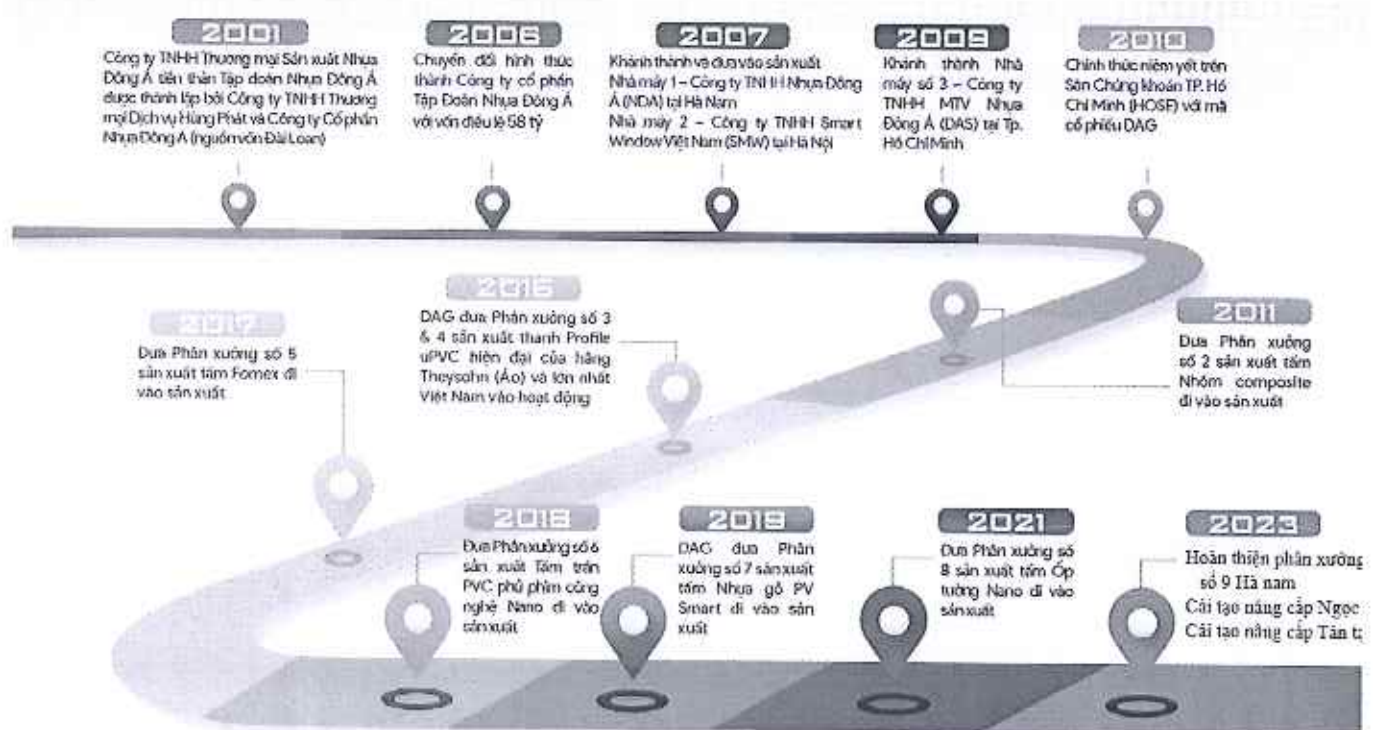
DAG
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
- Tên viết tắt: TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á/DAG
- Tên tiếng Anh: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101099228
- Vốn điều lệ: 603.141.120.000 đồng (tại ngày 31/12/2023)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 429.745.643.192 đồng (tại ngày 31/12/2023)
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1 CN5 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.3734 2888 Số Fax: 024.3793 8942
- Website: www.dag.com.vn
- Mã cổ phiếu : DAG
- Quá trình hình thành và phát triển



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất vật liệu xây dựng Mã số: 4663

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

+ Sản xuất các vật liệu nhựa ngành xây dựng, công nghiệp: Thanh Profile uPVC, tấm trần thả PVC, cửa WPC...;

+ Sản phẩm vật liệu nhựa ngành trang trí nội thất: Tấm tủ nhựa cao cấp Đông Á plast, PVC smart, Tấm ốp tường PVC Nano, Tấm Lam sóng Nano...;

+ Sản phẩm nhựa ngành quảng cáo: Tấm Mica, Tấm Fomex, Tấm PP công nghiệp...

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh của DAG trải dài khắp các tỉnh thành trên cả nước và xuất khẩu ra các nước trên thế giới...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

DAG hoạt động theo mô hình công ty cổ phần tại điểm a khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020, có cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ.

- ❖ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** là cơ quan quyết định cao nhất của DAG, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- ❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT):** là cơ quan quản lý của DAG, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- ❖ **Ban Kiểm soát (BKS):** là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- ❖ **Ban Tổng Giám đốc (BTGD):** Tổng giám đốc là người điều hành, có thẩm quyền quyết định cao nhất trong Ban Tổng giám đốc về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các công việc và nhiệm vụ được giao.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

DAG được cơ cấu và tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý như dưới đây:

3.3. Các công ty con

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con. Trong đó, Công ty mẹ quản lý vốn góp tại các công ty con. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

❖ Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

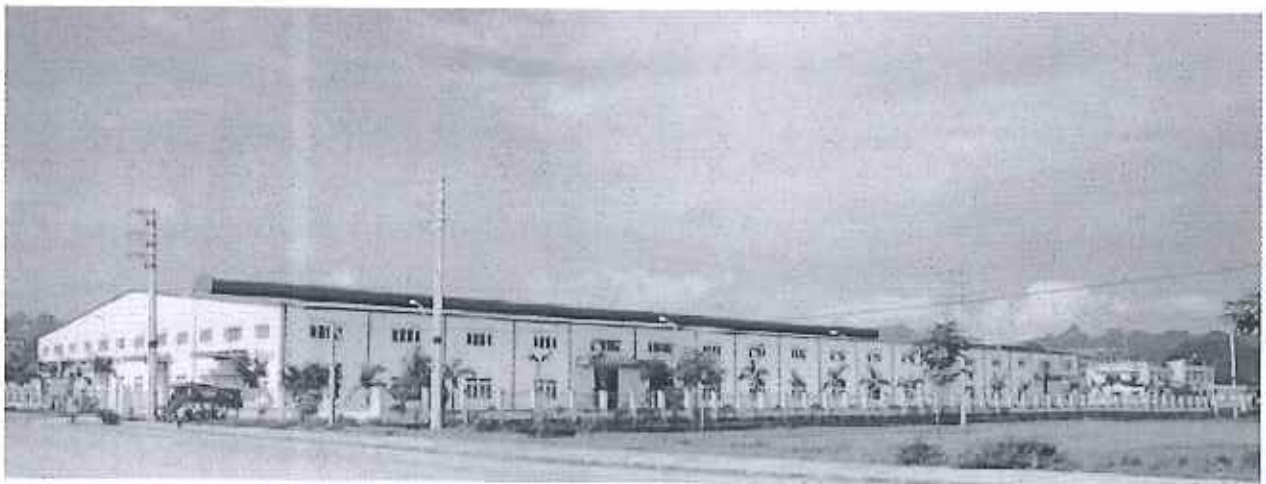
Địa chỉ Văn phòng: Tầng 9, Tháp Tây- Tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội.

Chức năng nhiệm vụ: Thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu trong mối quan hệ với công ty thành viên theo quy định tương ứng của pháp luật có liên quan. Quản lý vốn góp và hoạt động tại các Công ty con. Lựa chọn và quyết định lĩnh vực, hình thức đầu tư và kinh doanh vốn theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm hiệu quả, khả năng sinh lời và phù hợp với quy định của pháp luật. Xây dựng, duy trì và kiểm soát các hoạt động chung của tập đoàn. Nhập khẩu và phân phối các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất, quảng cáo.

❖ Công ty con - Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam

- Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo như: Tấm trần ốp, tấm trần thả, thanh Profile, tấm PP Công nghiệp, tấm mica, tấm Fomex, nẹp trang trí...
- Vốn điều lệ 415.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%
- Năm đi vào hoạt động: 2007
- Diện tích: 72.000 m²



❖ Công ty con - Công ty TNHH Smart Window Việt Nam

Địa chỉ: Khu CN Ngọc Hồi Thanh Trì, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội

- Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa xây dựng, trang trí nội ngoại thất và là nhà kho liên hoàn kinh doanh hàng sản xuất của Nhựa Đông Á Hà Nam.
- Vốn điều lệ 136.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%
- Năm hoạt động: 2007
- Diện tích: 11.000 m²



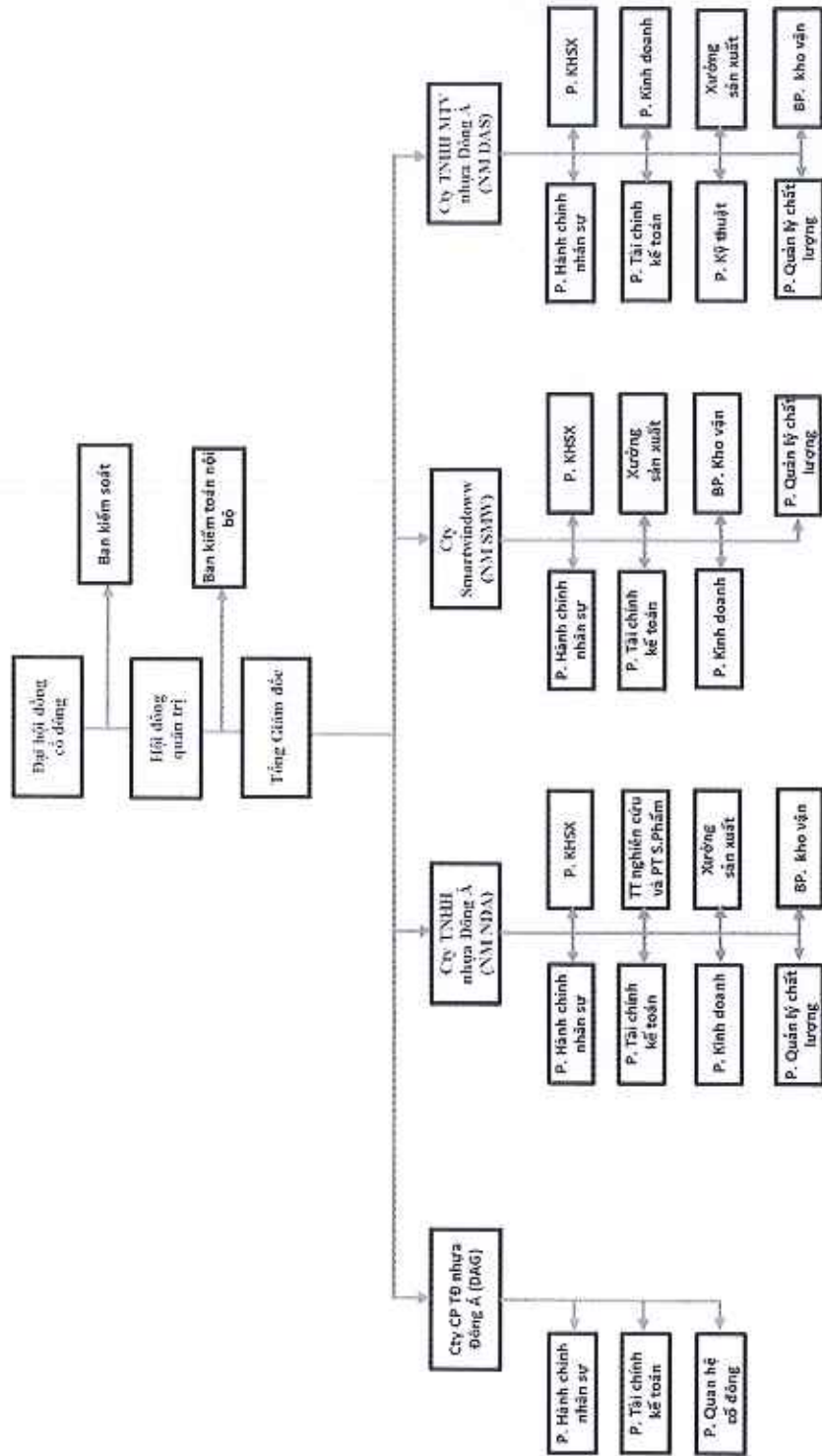
❖ Công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh

- Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất kinh doanh, các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và quảng cáo.
- Vốn điều lệ: 68.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%
- Diện tích: 7.000 m²



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

4. Định hướng phát triển

4.1. Mục tiêu chủ yếu :

- Chiến lược ngắn hạn công ty đang tiến hành tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Chiến lược dài hạn trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất vật liệu ngành xây dựng, trang trí nội, ngoại thất và quảng cáo hàng đầu Việt Nam với tổng sản lượng 60.000 tấn vào năm 2028.

4.2. Chiến lược thực hiện

- Duy trì, giữ vững thị trường hiện có và phát triển thị trường mới cho các sản phẩm chủ lực.
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến. Đầu tư vào nghiên cứu phát triển sản phẩm.
- Tìm kiếm đối tác, hợp tác kinh doanh nhằm sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, máy móc thiết bị sẵn có.
- Hoàn thiện bộ máy tổ chức, xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản trị doanh nghiệp.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, minh bạch đề cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- Đoàn kết, phát huy sức mạnh tập thể của tất cả cán bộ, nhân viên và các đơn vị thành viên dưới mái nhà chung DAG để tạo ổn định và phát triển bền vững.

Tầm nhìn

Phát triển DAG thành một Công ty sản xuất vật liệu xây dựng - trang trí nội ngoại thất hàng đầu Việt nam và vươn ra khu vực.

Sứ mệnh

- Phát triển bền vững, đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.
- Tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả dưới mái nhà chung của DAG.
- Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, uy tín và thân thiện với môi trường.

Giá trị cốt lõi

- Lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng.
- Lấy quản lý để mưu cầu hiệu quả.
- Lấy chất lượng để mưu cầu sinh tồn.
- Lấy uy tín để mưu cầu phát triển.

Cam kết

- **Đối với khách hàng:** Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về vật liệu phục vụ trong xây dựng cũng như các sản phẩm của Công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.
- **Đối với cổ đông:** Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.
- **Đối với cán bộ nhân viên:** Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.
- **Đối với cộng đồng và xã hội:** Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội.

5. Các rủi ro trong kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày luôn tiềm ẩn những rủi ro. Quản trị rủi ro là một trong những ưu tiên hàng đầu của HĐQT và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện định hướng phát triển của Công ty. Vai trò và phân công về trách nhiệm trong hoạt động quản trị rủi ro của Công ty được thể hiện rất rõ trong cơ cấu tổ chức của Công ty như sau :

- Hội đồng quản trị truyền đạt thông điệp về văn hóa quản trị rủi ro doanh nghiệp và đưa ra các mục tiêu về quản trị rủi ro ở mức độ tổng thể. Theo đó các đơn vị thành viên của DAG (bao gồm các đơn vị thành viên, các cán bộ công nhân viên ở mọi chức danh vị trí) đều có ý thức và trách nhiệm tham gia vào quy trình quản kiểm soát và quản trị rủi ro.
- Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm nhận diện và quản lý rủi ro thông qua việc thiết lập bộ máy tổ chức vận hành hoạt động của doanh nghiệp phù hợp trên nguyên tắc mọi giao dịch hoạt động dù là nhỏ nhất đều phải được kiểm soát qua hệ thống quy trình nghiệp vụ được ban hành và áp dụng nội bộ.

a. Rủi ro về dịch bệnh

Năm 2023, dịch bệnh Covid-19 đã kiểm soát được. Tuy nhiên, do nền kinh tế Việt Nam có độ mở, nhu cầu giao thương thương mại, du lịch lớn nên nguy cơ tái bùng phát dịch bệnh Covid-19 cũng như bị nhiễm các dịch bệnh khác như đậu mùa khỉ, cúm A... là khó tránh khỏi. Để phòng ngừa rủi ro về dịch bệnh, Công ty luôn chủ động xây dựng các biện pháp, giải pháp phòng chống và tuân thủ chặt chẽ các quy định của nhà nước liên quan đến phòng chống dịch bệnh để đảm an toàn không gian làm việc cho tất cả các nhà máy trong toàn hệ thống Tập đoàn...

b. Rủi ro thị trường

Theo Tổng cục Thống kê, ngành nhựa hiện có gần 4.000 doanh nghiệp trên cả nước, trong đó 90% là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tập trung chủ yếu tại khu vực phía Nam. Tổng doanh thu ngành nhựa đã đạt trên 25 tỷ USD, trong đó xuất khẩu chiếm 22%.

Các doanh nghiệp nhựa Việt Nam có thể sản xuất đầy đủ các chủng loại sản phẩm nhựa phục vụ cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Đến nay, sản phẩm nhựa Việt Nam đã xuất khẩu đến hơn 160 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới và có mặt khắp các thị trường khó tính như Mỹ, Đức, Pháp, Anh, Ý, Hà Lan, Tây Ban Nha, Nhật, Úc...

Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa tăng trưởng đều qua các năm từ 3 tỷ USD trong năm 2018 lên đến 5,5 tỷ USD năm 2022, với mức tăng trưởng trung bình từ 12 - 20%.

Tại Đại hội Hiệp hội Nhựa Việt Nam nhiệm kỳ VII (2023 – 2028) ngày 25/10/2023, ông Hồ Đức Lam, Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA), Chủ tịch HĐQT CTCP Rạng Đông Holding (mã RDP) chia sẻ, tốc độ tăng trưởng ngành nhựa Việt Nam đang có dấu hiệu chậm lại từ cuối năm 2022 đến nay do những ảnh hưởng từ tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu nói chung và tác động dai dẳng của đại dịch Covid-19 nói riêng.

Để đứng vững và phát triển trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng cao, Ban lãnh đạo công ty đã chủ động phân tích, dự báo, nghiên cứu nhu cầu thị trường, dự báo các xu

hướng về sản phẩm, biến động trong ngành để từ đó xây dựng kế hoạch phản ứng kịp thời; phát triển các sản xuất thay thế thân thiện môi trường bắt kịp nhu cầu tiêu dùng của thị trường; nghiên cứu các sản phẩm mới, chất lượng cao, đưa ra các sáng kiến cải tiến sản xuất, nâng năng suất lao động, tăng lợi thế cạnh tranh cho Công ty; nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh phân phối, tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối kết hợp kênh phân phối truyền thống với marketing hiện đại.

c. Rủi ro về nguyên vật liệu

Việc chủ yếu phải nhập nguyên vật liệu nhựa khiến ngành nhựa Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng khá nhạy cảm với biến động giá nguyên vật liệu trên thế giới và khu vực. Giá nguyên liệu đầu vào chiếm tới 70-80% trong cơ cấu chi phí sản xuất, điều này khiến biên lợi nhuận của Công ty bị ảnh hưởng lớn khi chi phí đầu vào tăng lên.

Tỷ trọng nguyên vật liệu nhập khẩu lớn cũng khiến các công ty ngành nhựa chịu rủi ro cao về tỷ giá.

Để kiểm soát rủi ro liên quan về nguyên vật liệu, Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật giá cả trên thị trường; đa dạng hóa nhà cung cấp, làm việc với nhà cung cấp để đảm bảo có được mức giá tốt nhất; có phương án mua và tích trữ nguyên vật liệu đầu vào; nâng cao tính thân tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và có biện pháp cải tiến quy trình sản xuất; thường xuyên đánh giá, kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu.

d. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là các rủi ro xuất phát từ nguyên nhân hệ thống, quy trình, con người hoặc các sự kiện bên ngoài. Năm 2023, Ban lãnh đạo Tập đoàn tập trung rà soát, nhận diện các yếu tố tốt rủi ro để quản trị rủi ro hoạt động với những mục tiêu là nâng cao năng lực sản xuất, hiệu quả làm việc của toàn bộ hệ thống và kiểm soát chi phí đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.

Kiến toàn bộ máy tổ chức của doanh nghiệp theo hướng tinh gọn, phù hợp với quản trị điều hành của Ban lãnh đạo.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến khó lường và ẩn chứa nhiều bất ổn. Lạm phát tuy hạ nhiệt, nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu.

Ở trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định; tốc độ tăng trưởng ở mức khá, lạm phát thấp, tỷ giá được kiểm soát tốt, các cân đối vĩ mô của nền kinh tế được giữ vững. Tuy nhiên, nhiều động lực tăng trưởng chính chậm lại, đối mặt với nhiều khó khăn; kim ngạch xuất nhập khẩu giảm; nợ xấu có xu hướng tăng; thị trường bất động sản chưa phục

hồi, thị trường trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro; sức chống chịu của nhiều doanh nghiệp đã đến mức tới hạn; hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục còn nhiều khó khăn. Đối với ngành nhựa, năm 2023 các doanh nghiệp phải đối mặt với khó khăn kép, ảnh hưởng bởi kinh tế thế giới suy thoái, lạm phát cao và thị trường nhựa trong nước cạnh tranh khốc liệt, nhu cầu tiêu dùng suy giảm, khó tiếp cận nguồn vốn, lãi suất cao kéo theo chi phí lãi vay tăng, lợi nhuận giảm.

Trong bối cảnh đó, HĐQT chủ động đánh giá, nhận thức các vấn đề khách quan, chủ quan, đưa ra nhiều định hướng, chủ trương kịp thời nhằm duy trì và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường. Năm 2023, Công ty đạt kết quả kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/Giảm
1. Doanh thu thuần	1.203	2.242	-46,3%
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(255)	12,8	-2.092%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	(256)	14,5	-1.865%
4. Tổng lợi nhuận sau thuế	(257)	7,3	-3.620%

(Theo Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2023 do Công ty tự lập)

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh Sách Ban Ban Điều hành (tính đến ngày 31/12/2023)

Ban Điều hành (BDH) gồm 03 người, Trong đó, có 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc, 01 Phụ trách Kế toán.

Ông Đường Ngọc Diệu – Tổng giám đốc (từ ngày 19/12/2022)

Quá trình công tác :

Ông Đường Ngọc Diệu có trình độ cử nhân kinh tế, chuyên ngành tài chính kế toán - Đại học Đà Nẵng. Ông có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Trước khi được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc, ông có nhiều năm kinh nghiệm làm Phó Giám đốc phụ trách tài chính, đối ngoại của công ty TNHH Nhựa Đông Á, công ty con.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : 103.000 cổ phiếu tương ứng 0,17% vốn điều lệ.

Ông Trần Việt Thắng – Phó Tổng giám đốc (từ ngày 22/3/2023)

Quá trình công tác :

Ông Trần Việt Thắng có trình độ thạc sĩ Tài chính. Ông có kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, tài chính kế toán, đầu tư chứng khoán và hơn 30 kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý trị kinh doanh, tài chính, chứng khoán và sản xuất.

Hiện Ông giữ chức Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : 250.000 cổ phiếu tương ứng 0.41% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Hữu Quân – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20/01/2023)

Quá trình công tác:

Ông Nguyễn Hữu Quân có trình độ cử nhân kinh tế - Đại học Thương mại Hà Nội. Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý, điều hành quản trị doanh nghiệp trong ngành nhựa. Ông có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty từ vị trí Giám đốc kinh doanh, giám đốc công ty con tại DAG. Ông được bầu làm thành viên HĐQT Công ty từ tháng 4 năm 2022 và bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc từ tháng 01/2023.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : 52.000 cổ phiếu tương ứng 0,086% vốn điều lệ

Bà Phạm Thị Phương – Phụ trách Kế toán công ty (từ ngày 18/12/2023)

Trình độ : Cử nhân kế toán

Quá trình công tác :

Bà Phạm Thị Phương có trình độ cử nhân kế toán. Bà có kiến thức chuyên môn vững vàng về tài chính kế toán, thuế và nhiều năm đảm nhiệm vị trí Kế toán thuế, Kế toán tổng hợp tại nhiều công ty. Trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phụ trách Kế toán Công ty, Bà giữ chức Kế toán trưởng Công ty TNHH Nhựa Đông Á.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : 0 cổ phiếu tương ứng 0% vốn điều lệ

2.2. Những thay đổi trong BDH

- 19/01/2023: Miễn nhiệm ông Bùi Thâm Châu thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc
- 20/01/2023: Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Quân giữ chức Phó Tổng Giám đốc
- 22/3/2023: Bổ nhiệm ông Trần Việt Thắng giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động

a. Số lượng cán bộ, công nhân viên

Trong năm 2023, DAG có số lao động bình quân là gần 230 lao động (Tổng số lao động tại ngày 31/12/2023 là 150 người). Trong đó tỷ lệ cán bộ, công nhân viên tốt nghiệp Đại học, trên Đại học đạt 35% và tỷ lệ lao động có trình độ tay nghề đạt 65% tổng số lao động phổ thông tại các nhà máy.

b. Chính sách, chế độ đối với người lao động

DAG thực hiện chính sách đào tạo và các chế độ khen thưởng, phụ cấp ... dựa trên mô tả công việc, chú trọng áp dụng các kiến thức, kinh nghiệm, thực hành thực tế phối hợp với hệ thống phân loại, hệ thống đánh giá CB-CNV một cách đồng bộ và bài bản.

c. Chính sách đào tạo

Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến chính sách đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV. Định kỳ, Công ty cũng tổ chức hướng dẫn, đào tạo cho CBCNV về tiêu chuẩn áp dụng trong sản xuất kinh doanh giúp cho CBCNV luôn thực hiện đúng và đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

d. Công tác thi đua, sáng kiến cải tiến

Thường xuyên tổ chức khuyến khích CBCNV đưa ra các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giảm tỷ lệ phế liệu và có chế độ khen thưởng, động viên đối với các tổ, đội, cá nhân đạt kết quả tốt.

e. Công tác đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất

Trong năm 2023, DAG đã đưa chuẩn chương trình bảo đảm an toàn sản xuất áp dụng đồng bộ cho các nhà máy, cụ thể:

- Tổ chức huấn luyện cho hơn 200 lượt người về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất.
- Huấn luyện và đào tạo về công tác sơ cứu, cấp cứu.
- Huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy.
- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, các trang thiết bị bảo hộ cho người lao động tại các nhà máy.

f. Chính sách lương, thưởng

Duy trì ổn định mức thu nhập và việc làm đối với hơn 200 CB-CNV trong năm qua là mục tiêu quan trọng của DAG. Mức lương bình quân năm 2023 của CB-CNV đạt 10.800.000 đồng/tháng. Ngoài ra, DAG đảm bảo chế độ lương, thưởng cho CBCNV theo quy định của Luật Lao động và tổ chức nhiều phong trào phát động thi đua trong toàn hệ thống. Hàng năm, DAG đều đặn tổ chức sơ kết, tổng kết thi đua nhằm khen thưởng, vinh danh CBCNV có thành tích xuất sắc

g. Phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, DAG còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết nguyên đán, 30/4, 08/03, 20/10 ...), tổ chức bữa ăn tập thể tại các nhà máy sản xuất và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất. Ngoài ra, DAG định kỳ đều tổ chức và duy trì các hoạt động mang tính chất văn hóa doanh nghiệp như: tổ chức giao lưu văn nghệ, tham quan, nghỉ mát, tổ chức các hoạt động hè cho con em CBCNV ... nhằm gắn kết các cá nhân trong hệ thống và đáp ứng đời sống tinh thần cho CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2023, DAG không có khoản đầu tư và thực hiện dự án lớn nào. Trọng tâm chủ yếu là triển khai vận hành, chạy thử đối với đối với 2 Nhà máy tại KCN Tân Tạo (Tp. HCM) và CCN Ngọc Hồi (Hà Nội).

b. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con

DAG là Tập đoàn chuyên về sản xuất vật liệu ngành xây dựng, trang trí nội ngoại thất và quảng cáo cùng kinh doanh thương mại nhiều mặt hàng khác nhau. Trong đó ngành nghề cốt lõi bao gồm : Sản xuất kinh doanh vật liệu ngành xây dựng, trang trí nội ngoại thất và quảng cáo. Tập đoàn có 03 công ty con với kết quả hoạt động và tình hình tài chính như sau:

⚡ Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Trong năm 2023, hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Nhựa Đông Á là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa công nghiệp phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo như: Tấm trần ốp, tấm trần thả, thanh Profile, tấm nội thất, tấm PP Công nghiệp, tấm mica, hạt nhựa, cửa nhựa, nẹp trang trí...

Công ty TNHH Nhựa Đông Á đạt doanh thu thuần 621 tỷ giảm 58,6% so với năm 2022, lợi nhuận sau thuế: lỗ 207 tỷ.

⚡ Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất.

Năm 2023, Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á đạt doanh thu thuần 71 tỷ giảm 21% so với năm 2022, lợi nhuận sau thuế lỗ 1,5 tỷ.

⚡ Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa xây dựng, trang trí nội ngoại thất và là nhà kho liên hoàn kinh doanh hàng sản xuất của Nhựa Đông Á Hà Nam.

Trong năm 2023, Công ty TNHH Smart Window Việt Nam sản xuất Tấm ốp tường Nano và Tấm lam song Nano, đạt doanh thu thuần 107 tỷ, giảm 43% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế Công ty lỗ 5,8 tỷ.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023 (tỷ đồng)	Năm 2022 (tỷ đồng)	Tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	2.174	2.178	-0,18%
Doanh thu thuần	1.203	2.242	-46,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(255)	12,8	-2.092%
Lợi nhuận khác	(1,6)	1,7	-194,11%
Tổng lợi nhuận trước thuế	(256)	14,5	-1.865%
Tổng lợi nhuận sau thuế	(257)	7,3	-3.620%

Kết quả kinh doanh trên cho thấy doanh thu thuần hợp nhất năm 2023 của DAG giảm 46,3% so với năm 2022 và đạt 46% so với chỉ tiêu kế hoạch. Về lợi nhuận sau thuế, năm 2023 DAG lỗ 257 tỷ. Nguyên nhân chủ yếu: do tình hình kinh tế khó khăn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu của Công ty bị giảm sút mạnh, trong khi công ty vẫn phải chi trả các chi phí vận hành nhà máy, chi phí quản lý, chi phí khấu hao, chi phí lãi vay, đồng thời trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

b) các chỉ số tài chính trong năm

Chỉ số tài chính	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/Giảm
Vòng quay hàng tồn kho	1,38	2,43	-43,2%
Vòng quay tổng tài sản	0,55	1,04	-47%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	4,06	2,17	87,09%
Tỷ suất lãi gộp/Doanh thu	-5.4%	5%	-206 %
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	-11,8%	0,34%	-118%
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	-60%	1,07%	-155%
Hệ số Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	5,07	3,26	55,5%
Hệ số Doanh thu/Tổng tài sản	0,55	1,03	-46,6%
Lợi nhuận ròng/Cổ phiếu	-4.167	124	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) **Cổ phần:** Cổ phiếu DAG được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán: DAG.

Tại ngày 31/12/2023, vốn điều lệ của DAG là 603.141.120.000 đồng được chia thành 60.314.112 cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trong đó: - Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 60.312.128 cổ phiếu

- Tổng số lượng cổ phiếu quỹ là: 1.984 cổ phiếu.

b) Bảng Cơ cấu cổ đông:

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/Cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	12.655.473	21,00%	3	2	1
	Trong nước	12.655.473	21,00%	3	2	1
	Nước ngoài	-	-	-		
4	Cổ đông khác	47.656.655	79,00%	8.014	34	7.980
	Trong nước	47.334.523	78,64%	7.977	26	7.951
	Nước ngoài	222.132	0,36%	37	8	29

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
5	Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
6	Cổ phiếu quỹ	1.984	0,003%	1	1	0
	Tổng cộng	60.314.112	100,00%	8.018	37	7.981

(Số liệu được lập căn cứ theo danh sách cổ đông do VSD cấp ngày 23/02/2023, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ESOP ngày 11/7/2023 và Báo cáo kết quả giao dịch của tổ chức có liên quan ngày 13/7/2023).

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2023, Công ty có đợt phát hành 750.000 cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2023, Công ty không có hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ. Hiện tại tổng số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là: 1.984 cổ phiếu

e) Chứng khoán khác: Trong năm 2023, Công ty không phát hành cũng như phát sinh giao dịch liên quan đến các loại chứng khoán khác.

f) Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông là người nước ngoài tại Công ty tối đa là: 49% (Theo Công văn số 1225/UBCK-PTTT ngày 14/3/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của DAG.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Từ nhiều năm nay sản phẩm của Công ty đều được sản xuất từ hạt nhựa nguyên sinh và loại bỏ chất phụ gia chì thay bằng canxi – kẽm không độc hại. Ngoài ra việc Công ty nghiên cứu tái chế lại hầu như toàn bộ các sản phẩm lỗi và phế thải. Các phế liệu của các sản phẩm cao cấp được tận dụng để làm nguyên liệu đầu vào cho các sản phẩm thấp cấp hơn...

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Do tính chất đặc thù là một doanh nghiệp công nghiệp với năng lực sản xuất lớn, các dàn máy luôn phải hoạt động ngày đêm, do vậy việc kiểm soát vận hành, cách bố trí hệ thống sản xuất theo khoa học và áp dụng các công cụ quản lý tinh gọn như 5S, để hạn chế thất thoát nguyên liệu và tiết kiệm năng lượng tối đa.

Bên cạnh đó, công ty luôn đẩy mạnh các công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng đúng mục đích có hiệu quả các trang thiết bị bằng các giải pháp như:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị sử dụng điện trong các phòng ban hệ thống đường dây điện và trạm điện để đảm bảo không bị rò rỉ điện năng

- Phối hợp chặt chẽ với công ty điện lực trên địa bàn trong công tác vận hành hệ thống cung cấp điện cho nhà máy để đảm bảo nguồn điện luôn được cung cấp một cách ổn định để phục vụ tốt nhất cho công tác sản xuất của công ty.
- Sử dụng hệ thống trang thiết bị hiện đại như đèn LED cảm ứng, hệ thống điện năng lượng mặt trời, động cơ bơm nước, quạt sử dụng loại có hiệu suất cao nhằm tiết kiệm năng lượng điện cho thông gió và cấp nước.
- Xây dựng mức tiêu thụ gắn sát với tình hình sử dụng thực tế vào đầu kỳ. Đối với các cá nhân liên quan, công ty sẽ xác định trách nhiệm và đưa vào chế tài thông qua công cụ quản lý nhân sự KPI để nâng cao ý thức trong việc sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm và hiệu quả nhất

6.3. Tiêu thụ nước:

Là doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm xanh phục vụ cho ngành quảng cáo nội ngoại thất và vật liệu xây dựng, Công ty hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc sử dụng tài nguyên nước một cách tiết kiệm cũng như đảm bảo xử lý triệt để ô nhiễm của nguồn nước thải, khí thải trước khi thoát ra ngoài môi trường. Mặt khác, không gian xanh sạch luôn tạo ấn tượng đặc biệt cho bất cứ ai đến với Công ty khi 15% diện tích được dành để trồng các loại cây xanh bao quanh nhà máy. Cùng với quy trình sản xuất khép kín, hệ thống thông gió hoạt động hiệu quả, đảm bảo không khí thông thoáng, sự ô nhiễm từ nguồn khí thải ra ngoài môi trường xung quanh nhà máy là không đáng kể.

Đồng thời, Công ty còn gắn kết CBCNV trong việc tích cực giữ gìn môi trường làm việc xanh sạch, tăng hiệu quả công việc, tăng hiệu quả công việc thông qua công cụ 5S đó là:

- **Sàng lọc:** Phân loại, di dời, bỏ đi những thứ không cần thiết;
- **Sắp xếp:** Hệ thống hóa các vật dụng theo tiêu chí dễ tìm, dễ thấy, dễ lấy, dễ kiểm tra, dễ trả lại;
- **Sạch sẽ:** Giữ gìn nơi làm việc, thiết bị, dụng cụ luôn sạch sẽ; hướng đến môi trường làm việc sạch đẹp, lành mạnh, an toàn và vệ sinh;
- **Sẵn sàng:** Luôn duy trì sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ;
- **Sẵn sàng:** Luôn tạo thói quen, duy trì, cải tiến bỏ nguyên tắc trên trong mọi hoàn cảnh và trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty rất quan tâm các hoạt động tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Năm 2023, Công ty không có bất kỳ ghi nhận nào liên quan đến vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động (như mục 2.3 ở trên)

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn có định hướng tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện theo quan điểm “Hạnh phúc là sự sẻ chia” luôn được DAG lắng nghe và dành sự quan tâm đáng kể.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023 các doanh nghiệp phải đối mặt với khó khăn kép, ảnh hưởng bởi kinh tế thế giới suy thoái, lạm phát cao và thị trường nhựa trong nước cạnh tranh khốc liệt, nhu cầu tiêu dùng suy giảm, khó tiếp cận nguồn vốn, lãi suất cao kéo theo chi phí lãi vay tăng, lợi nhuận giảm.

Trong bối cảnh đó, với sự chỉ đạo kịp thời và giám sát sát sao của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể CBNV công ty đã nỗ lực khắc phục khó khăn, duy trì hoạt động và đạt được kết quả kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính 2023 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/Giảm
1. Doanh thu thuần	1.203	2.242	-46,3%
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(255)	12,8	-2.092%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	(256)	14,5	-1.865%
4. Tổng lợi nhuận sau thuế	(257)	7,3	-3.620%

Kết quả kinh doanh trên cho thấy doanh thu thuần hợp nhất năm 2023 của DAG giảm 46,3% so với năm 2022 và đạt 46% so với kế hoạch. Về lợi nhuận sau thuế, năm 2023 DAG lỗ 257 tỷ.

Nguyên nhân là do: Năm 2022, đón đầu sau Covid, DAG đầu tư mở rộng 3 nhà máy nên suy giảm năng lực tài chính. Tình hình nền kinh tế trong tình trạng khó khăn kéo dài nên đơn hàng suy giảm mạnh. Các ngân hàng căng thẳng nguồn vốn nên không có nguồn vốn bổ sung. Bên cạnh đó, thị trường hàng Trung Quốc tràn vào thị trường trong nước mạnh sau khi dỡ bỏ các biện pháp phòng chống COVID.

2. Tình hình tài chính

2.1. Cơ cấu tài sản

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Cơ cấu tài sản	Hợp nhất		Tăng/giảm (%)
		31/12/2023	31/12/2022	
	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.401	1.447	-3,1%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6,3	2,6	142%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn		97	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	521	360	44,7%
4	Hàng tồn kho	856	969	-11,6%
5	Tài sản ngắn hạn khác	17,5	18,3	-2,7%
	TÀI SẢN DÀI HẠN	773	730	5,89%
6	Các khoản phải thu dài hạn	105	17	517%
7	Tài sản cố định	615	621	-0,9%
8	Tài sản dở dang dài hạn	39	59	-33,8%
9	Đầu tư tài chính dài hạn		5,6	
10	Tài sản dài hạn khác	13	27	-51,8%

2.2. Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Cơ cấu nguồn vốn	Hợp nhất		Tăng/giảm (%)
		31/12/2023	31/12/2022	
	NỢ PHẢI TRẢ	1.744	1.491	16,9%
1	Nợ ngắn hạn, trong đó:	1.487	1.245	19,4%
	<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	61	192	-68%
	<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	1.022	963	6,1%
2	Nợ dài hạn	257	246	4,4%
	VỐN CHỦ SỞ HỮU	429	687	-37,5%
3	Vốn cổ phần	603	595	1,3%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.174	2.178	-0,1%

2.3. Các chỉ tiêu tài chính quan trọng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Tăng/giảm (%)
		31/12/2023	31/12/2022	
	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,94	1,16	-18,96%
2	Hệ số thanh toán nhanh	0,36	0,38	-5,26%
	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
3	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,8	0,68	17,64%
4	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	4,06	2,17	87,09%
	Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
5	Vòng quay hàng tồn kho	1,38	2,43	-43,2%
6	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,55	1,03	-46,6%
	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
7	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/Doanh thu thuần	-0,21	0,003	18.233,33%
8	Hệ số lợi nhuận cổ đông công ty mẹ/Vốn chủ sở hữu		0,010	
9	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/Tổng tài sản	-0,11	0,003	-3.766,66%
10	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,21	0,005	-4.300%
11	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	-4.516	124	

7. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Bên cạnh các kết quả về tài chính, trong năm 2023 DAG đã triển khai các hoạt động sau:

a. Đối với hoạt động quản trị - điều hành

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã bổ sung ông Nguyễn Hữu Quân, ông Trần Việt Thắng tham gia đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành với mục tiêu tái cơ cấu, cải thiện hệ thống vận

hành. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc mới đều là các cán bộ đã có nhiều năm công tác tại DAG và đã được rèn luyện, chứng minh năng lực quản lý tại các công ty thành viên.

Đối với Văn phòng Tập đoàn và các Nhà máy, Công ty tổ chức rà soát sắp xếp lại và cắt giảm nhân sự ở các bộ phận không cần thiết.

Tiếp tục triển khai chuyển đổi số, áp dụng công nghệ 4.0 như các phần mềm ERP-Fast, Misa vào trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Thực hiện kiểm soát nội bộ; giám sát việc tuân thủ các quy chế, quy trình, nội quy quy định về mua sắm tài sản, nguyên vật liệu; định mức tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng, giá thành sản phẩm....

b. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023, hoạt động kinh doanh bán hàng của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do nền kinh tế phục hồi chậm, thị trường bất động sản vẫn còn đóng băng, sự cạnh tranh của hàng hóa ngoại nhập và các doanh nghiệp trong nước.

Đối với hoạt động sản xuất: Trong năm, Công ty triển khai rà soát, củng cố hệ thống vận hành sản xuất theo hướng tập trung vào các mặt hàng chủ lực; giảm tỷ lệ phế liệu, hàng tồn kho. Tuy nhiên, việc khó khăn về nguồn vốn đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của công ty.

Hoạt động truyền thông, marketing vẫn được Công ty quan tâm, duy trì như: các sản phẩm, hoạt động của Công ty được quảng bá trên các kênh website, panpage, tictok, đưa tin trên các báo, tạp chí chuyên ngành và thông qua tài trợ, gian hàng trưng bày sản phẩm cho các hoạt động của Hiệp hội cửa.

c. Đối với hoạt động đầu tư

Năm 2023, Công ty không có hoạt động đầu tư. Trọng tâm vận hành, chạy thử đưa hai Nhà máy SMW tại CCN Ngọc Hồi, Hà Nội; Nhà máy DAS tại KCN Tạo Tạo, Tp. Hồ Chí Minh đi vào hoạt động.

Trong năm, Công ty cũng tìm kiếm một số đối tác để triển khai hợp tác kinh doanh nhằm khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và mở rộng thị trường.

d. Đối với hoạt động tài chính

Việc các tổ chức tín dụng siết chặt chính sách tín dụng, hạn chế hạn mức cho vay đã gây nhiều khó khăn cho hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai nhiều phương án, giải pháp để huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân ... đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc cũng làm việc với các tổ chức tín dụng về việc cơ cấu khoản vay theo Thông tư 02/TT-NHNN.

4. Kế hoạch và phương hướng triển khai năm 2024

Theo dự báo năm 2024 tình hình kinh tế thế giới còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến khó lường và ẩn chứa nhiều bất ổn. Kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp thuận lợi và khó khăn song hành, thị trường bất động sản chưa phục hồi, nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng trong nước giảm, hoạt động sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng sau thời kỳ đại dịch Covid-19 và hậu Covid.

Đối với đầu ra của sản phẩm, sự cạnh tranh đối với sản phẩm cùng ngành ngày càng cao, đặt biệt là hàng Trung Quốc vào Việt Nam dưới nhiều hình thức. Ngoài ra, cuối năm 2023 Công ty có nhiều biến động về nhân sự

Việc các ngân hàng giảm hạn mức cho vay, đưa Công ty vào nhóm nợ xấu khiến Công ty không thể tiếp cận nguồn vốn tín dụng để duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do vậy, năm 2024 Công ty chủ trương thực hiện tái cơ cấu toàn diện, triển khai các giải pháp để khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở chủ trương, định hướng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch sản kinh doanh năm 2024 với 2 phương án như sau:

Phương án 1 (Tổ chức sản xuất gia công):

- Doanh thu hợp nhất: 284,1 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 1,1 tỷ đồng

Phương án 2 (Hợp tác đầu tư, góp vốn và cùng triển khai tổ chức SXKD)

- Doanh thu hợp nhất: 642,2 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 9,5 tỷ đồng

Để thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh như trên, Ban Tổng giám đốc đề ra các nhiệm vụ và giải pháp triển khai như sau:

a. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo nguồn lực để triển khai các phương án kinh doanh trong từng thời điểm.
- Tập trung rà soát, xử lý khối lượng hàng tồn kho, chậm luân chuyển nhằm tối ưu hóa vòng quay hàng tồn kho, tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, marketing quảng bá thương hiệu, sản phẩm mới: Tấm ốp tường Nano, Tấm nội thất cao cấp Đông Á plast ...
- Phối hợp tốt với đơn vị hợp tác sản xuất kinh doanh trong việc sản xuất sản phẩm, mở rộng thị trường, giữ vững thương hiệu.

b. Đối với hoạt động quản trị - điều hành

- Tập trung triển khai phương án tái cấu trúc theo định hướng của HĐQT.
- Phân cấp, phân quyền cho các công ty con tổ chức quản trị độc lập.
- Tăng cường công tác điều hành, chỉ đạo và giám sát hoạt động của các đơn vị.
- Tìm kiếm, hợp tác với các đơn vị có năng lực tốt để hợp tác vận hành, khai thác sản xuất và mở rộng thị trường.
- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự cho phù hợp với tình hình thực tiễn.,
- Đảm bảo công ăn việc làm, tiền lương và chế độ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên.

c. Về công tác quản lý tài chính

- Xây dựng phương án tái cấu trúc tài chính trình HĐQT, ĐHCĐ thông qua theo thẩm quyền.
- Làm việc với các tổ chức tín dụng về cơ cấu lại các khoản vay
- Làm việc, đàm phán với các chủ nợ về phương án phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ nhằm giảm áp lực về nợ vay và chi phí tài chính.
- Tìm kiếm các giải pháp nhằm huy động dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty về hoạt động của Công ty trong năm 2023

Năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến khó lường

và ẩn chứa nhiều bất ổn. Lạm phát tuy hạ nhiệt, nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu.

Ở trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định; tốc độ tăng trưởng ở mức khá, lạm phát thấp, tỷ giá được kiểm soát tốt, các cân đối vĩ mô của nền kinh tế được giữ vững. Tuy nhiên, nhiều động lực tăng trưởng chính chậm lại, đối mặt với nhiều khó khăn; kim ngạch xuất nhập khẩu giảm; nợ xấu có xu hướng tăng; thị trường bất động sản chưa phục hồi, thị trường trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro; sức chống chịu của nhiều doanh nghiệp đã đến mức tới hạn; hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục còn nhiều khó khăn. Đối với ngành nhựa, năm 2023 các doanh nghiệp phải đối mặt với khó khăn kép, ảnh hưởng bởi kinh tế thế giới suy thoái, lạm phát cao và thị trường nhựa trong nước cạnh tranh khốc liệt, nhu cầu tiêu dùng suy giảm, khó tiếp cận nguồn vốn, lãi suất cao kéo theo chi phí lãi vay tăng, lợi nhuận giảm.

Trong bối cảnh đó, HĐQT đã đưa ra các chủ trương, định hướng và chỉ đạo kịp thời, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2023.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Do năm 2023, Công ty gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vay vốn từ các tổ chức tín dụng và biến động về nhân sự, Hội đồng quản trị ghi nhận những cố gắng, nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành:

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai được một số nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ; tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản trị, điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.
- Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo cho HĐQT về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh, tình hình đầu tư.
- Ban Tổng Giám đốc giám sát, chỉ đạo sát sao và hỗ trợ các công ty thành viên trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu doanh thu theo hàng tháng, quý để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Ban Tổng Giám đốc đã bổ sung nhân sự kịp thời để khắc phục vi phạm về công bố Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD 2024 cũng như đảm bảo phương án tái cấu trúc thành công, HĐQT công ty tập trung vào các vấn đề sau:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự, bổ sung kịp thời thành viên HĐQT, BTGD và các vị trí quản lý chủ chốt khi có nhu cầu/biến động nhằm đảm cơ cấu và hoạt động điều hành của Công ty và các công ty thành viên trong từng giai đoạn.
- Tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi, ngành hàng mang lại lợi nhuận hiệu quả cao.
- Định hướng và ban hành kịp thời các chủ trương để duy trì và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tìm kiếm các đối tác các đơn vị/đối tác có năng lực tốt để đầu tư, hợp tác vận hành, khai thác sản xuất và mở rộng thị trường.
- Nghiên cứu, định hướng các phương án cơ cấu lại tài sản, nợ vay nhằm giảm bớt áp lực về tài chính, tìm các giải pháp để duy trì và đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị công ty:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ/(thành viên HĐQT độc lập, TVHDQT không điều hành))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT	08/4/2023	
2	Ông Đường Ngọc Diệu	Phó Chủ tịch HĐQT	02/8/2023	
3	Ông Nguyễn Bá Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT		01/8/2023
4	Ông Nguyễn Hữu Quân	Thành viên HĐQT	28/4/2022	
5	Ông Phạm Quang Huỳnh	Thành viên độc lập HĐQT	28/4/2022	
6	Ông Nguyễn Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT		06/4/2023
7	Ông Bùi Thẩm Châu	Thành viên HĐQT		06/4/2023

Trong năm, DIHDCD đã bầu ông Trần Việt Thắng, Đường Ngọc Diệu bổ sung vào HĐQT thay cho 2 thành viên trước đó đã có đơn xin miễn nhiệm. Ông Trần Việt Thắng đã được HĐQT bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT từ ngày 08/4/2023.

Cơ cấu HĐQT được đánh giá là cân đối và phù hợp giữa các thành viên điều hành, không điều hành, thành viên độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Toàn bộ thành viên HĐQT tham gia tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược và đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Trong năm, Ban Kiểm toán nội đã ban hành Báo cáo kiểm toán nội bộ năm 2022, tiến hành thực hiện báo cáo kiểm toán nội bộ năm 2023 và lập kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 trình HĐQT. Ban Kiểm toán nội bộ đã tham gia thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên.

Bên cạnh đó, Ban Kiểm toán nội bộ còn tham mưu cho HĐQT nhiều nội dung liên quan đến các công việc quản trị, quản lý rủi ro, và kiểm soát trong công ty.

a) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành 41 cuộc họp HĐQT, ban hành 63 nghị quyết, quyết định nhằm triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (DIHDCD) năm 2023 và các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong đó, HĐQT đã tập trung thảo luận đưa ra các quyết định chiến lược để triển khai một số hoạt động trọng tâm trong năm, cụ thể:

- Kiện toàn bộ máy quản trị, điều hành: HĐQT đã kịp thời bầu/bổ nhiệm nhân sự có năng lực quản trị và chuyên môn để bổ sung, thay thế các vị trí chủ chốt như Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính và Giám đốc các công ty thành viên để tăng cường công tác quản trị, điều hành và triển khai tái cơ cấu hoạt động vận hành sản xuất đáp ứng định hướng phát triển của Công ty trong những năm tới. Việc kiện toàn

bộ máy, bổ nhiệm nhân sự đều được thực hiện đúng với quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ, quy chế của Công ty.

- HĐQT đã ban hành các định hướng, chủ trương và thông qua nghị quyết để Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị/công ty thành viên hoàn thiện thủ tục tín dụng và đề xuất cơ cấu nợ vay theo Thông tư 02/TT-NHNN tại các tổ chức tín dụng. Do việc huy động nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng gặp khó, trong năm HĐQT đã định hướng, thông qua chủ trương để Công ty huy động từ nhiều nguồn vốn khác nhau từ: cổ đông lớn, các thành viên Ban Lãnh đạo Công ty và các cá nhân để bổ sung vốn lưu động duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Triển khai phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ: Trên cơ sở các tờ trình và nghị quyết về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ hóa đổi nợ đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua, HĐQT đã thông qua hợp và thông qua các nội dung liên quan để Công ty làm thủ tục phát hành với UBCKNN.
- Triển khai tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm, HĐQT đã có định hướng và chỉ đạo kịp thời để Ban Tổng Giám đốc thực hiện rà soát, cắt giảm nhân sự ở các bộ phận không cần thiết, củng cố hệ thống vận hành sản xuất theo hướng nâng cao hiệu suất, hiệu quả sản xuất, tập trung vào các mặt hàng chủ lực; làm việc với các khách hàng để thu hồi công nợ; tìm kiếm, hợp tác với các đơn vị có năng lực tốt để hợp tác vận hành, khai thác sản xuất và mở rộng thị trường.

Tất cả các nội dung cuộc họp và các Nghị quyết của HĐQT đều thể hiện tính dân chủ, nhất quán cao; trọng tâm và hiệu quả trong việc giám sát, phối hợp với Ban Tổng Giám đốc công ty.

Các nghị quyết/quyết định của HĐQT năm 2023:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01a/QĐ-HĐQT	05/01/2023	Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH Nhựa Đông Á đối với Ông Bùi Thẩm Châu
2	01b/QĐ-HĐQT	05/01/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật Công ty TNHH Nhựa Đông Á đối với ông Dương Minh Tú
3	01/QĐ-HĐQT	19/01/2023	Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Bùi Thẩm Châu
4	02/QĐ-HĐQT	20/01/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Hữu Quân
5	03/NQ-HĐQT	01/02/2023	Nghị quyết về việc thông qua chốt danh sách cổ đông tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023
6	04/NQ-HĐQT	01/02/2023	Nghị quyết vv ủy quyền và giao cho TGD trong việc ký hồ sơ tín dụng với ngân hàng BIDV- CN HN
7	06/QĐ-HĐQT	09/02/2023	Quyết định vv miễn nhiệm chức vụ Giám đốc người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Smart Window Việt Nam đối với ông Tạ Văn Bình
8	07/QĐ-HĐQT	09/02/2023	Quyết định vv bổ nhiệm chức vụ Giám đốc người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Smart Window Việt Nam đối với ông Đặng Nhân Dũng

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
9	05/NQ-HĐQT	14/3/2023	Nghị quyết vv thông qua việc Công ty TNHH Nhựa Đông Á bán và tái thuê tài sản thông qua hình thức thuê tài chính với Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam
10	06/NQ-HĐQT	14/3/2023	Nghị quyết vv lùi thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
11	07/NQ-HĐQT	14/3/2023	Nghị quyết vv Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại ngân hàng Sacombank CN Thăng Long
12	08/NQ-HĐQT	20/3/2023	Nghị quyết vv thay đổi người đại diện Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại Ngân hàng TP Bank
13	09/QĐ-HĐQT	22/3/202	Quyết định vv bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính
14	09/NQ-HĐQT	27/3/2023	Nghị quyết vv thông qua nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng VP Bank
15	10/NQ-HĐQT	27/3/2023	Nghị quyết vv thông qua nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng Ocean Bank
16	12/NQ-HĐQT	27/3/2023	Nghị quyết vv thông qua đơn xin từ nhiệm của thành viên HĐQT - Nguyễn xuân Trường và Bùi Thẩm Châu
17	16/NQ-HĐQT	06/4/2023	Nghị quyết vv bầu Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT
18	19/NQ-HĐQT	10/4/2023	Nghị quyết vv Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á vay vốn ngân hàng Sacombak Thăng Long
19	20/NQ-HĐQT	10/4/2023	Nghị quyết vv Công ty TNHH Smart Window Việt Nam nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng Sacombank Thăng Long
20	21/NQ-HĐQT	10/4/2023	Nghị quyết vv thông qua phương án Công ty TNHH Nhựa Đông Á nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng TP Bank
21	15/QĐ-DAG-HĐQT	11/4/2023	Quyết định vv Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT
22	17/QĐ-DAG-HĐQT	11/4/2023	Quyết định vv miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH Nhựa Đông Á đối với Ông Dương Minh Tú
23	18/QĐ-DAG-HĐQT	11/4/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật Công ty TNHH Nhựa Đông Á đối với ông Trần Việt Thắng
24	23/NQ-HĐQT	24/4/2023	Nghị quyết vv Thông quan phương án Công ty TNHH Nhựa Đông Á đầu tư tài sản, bán và tái thuê tài sản qua hình thức thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính Vietinbank
25	24/QĐ-DAG-HĐQT	24/4/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật Công ty TNHH Nhựa Đông Á đối với ông Trần Việt Thắng (Thay thế cho QĐ số 18/QĐ-DAG-HĐQT)
26	24/NQ-HĐQT	24/4/2023	Nghị quyết vv Thông quan cam kết cho Công ty TNHH Nhựa Đông Á về nghĩa vụ trả nợ tại Công ty cho thuê tài chính Vietinbank

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
27	25/NQ-HĐQT	27/4/2023	Nghị quyết vv triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ
28	26/NQ-HĐQT	27/4/2023	Nghị quyết vv thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài
29	27/NQ-HĐQT	27/4/2023	Nghị quyết vv cam kết tuân thủ các quy định của luật cạnh tranh về tập trung kinh tế
30	28/NQ-HĐQT	27/4/2023	Nghị quyết vv thông qua hồ sơ đăng ký phát hành riêng lẻ cổ phiếu để hoán đổi nợ
31	29/NQ-HĐQT	27/4/2023	Nghị quyết vv triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người LD
32	30/NQ-HĐQT	27/4/2023	Nghị quyết vv thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu thường cho người lao động
33	31/QC-HĐQT	27/4/2023	Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
34	33/NQ-HĐQT	11/5/2023	Nghị quyết vv thông qua phương án Công ty TNHH Nhựa Đông Á bán và thuê lại tài sản thông qua hình thức thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính Vietinbank
35	34/NQ-HĐQT	31/5/2023	Nghị quyết vv sửa đổi Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
36	35/QC-HĐQT	31/5/2023	Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (sửa đổi)
37	35A/NQ-HĐQT	06/6/2023	Vv Công ty vay vốn của Nguyễn Bá Hùng để tắt toán nợ vay tại NH Publicbank
38	36/NQ-HĐQT	08/6/2023	Nghị quyết vv đính chính thông tin Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 06/4/2023, Biên bản họp ĐHĐCĐ số 29/BBH-DHĐCĐ ngày 06/4/2023 và Nghị quyết HĐQT số 25 ngày 27/4/2023; BBH HĐQT số 40/BBH-HĐQT ngày 27/4/2023
39	37/NQ-HĐQT	08/6/2023	Nghị quyết vv thông qua việc bán xe ô tô Lexus 570
40	38/NQ-HĐQT	22/6/2023	Nghị quyết vv thông qua lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán BCTC năm 2023 và kiểm toán vốn sau phát hành
41	39/NQ-HĐQT	03/7/2023	Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban KTNB đối với Ông Lương Thế Hùng
42	39A/NQ-HĐQT	03/7/2023	Vv Công ty vay vốn của Nguyễn Bá Hùng để tắt toán nợ vay NH VP Bank
43	35/QĐ-HĐQT	04/7/2023	Quyết định về việc điều chỉnh đối tượng phát hành cổ phiếu ESOP

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
44	40/NQ-HĐQT	05/7/2023	Thông qua phương án Công ty TNHH Nhựa Đông Á đề nghị giãn thời gian trả nợ gốc tại NH Việt Nga
45	41/NQ-HĐQT	11/7/2023	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu Esop
46	42/NQ-HĐQT	14/7/2023	Thông qua việc vay vốn của Công ty TNHH TMDV Hùng Phát (bên liên quan)
47	43/NQ-HĐQT	25/7/2023	Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu ESOP
48	44/NQ-HĐQT	27/7/2023	Vv cấp bảo lãnh, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm cho Công ty TNHH Smart Window Việt Nam tại NH BIDV – CN HN
49	45/NQ-HĐQT	01/8/2023	Thông qua chấp nhận đơn từ nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT của ông Nguyễn Bá Hùng
50	46/NQ-HĐQT	02/8/2023	Bầu ông Đường Ngọc Diệu giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT
51	46/QĐ-HĐQT	03/8/2023	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Hùng giữ chức Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
52	47/NQ-HĐQT	16/8/2023	Thông qua việc bổ sung hạn mức vay vốn của Công ty TNHH TMDV Hùng Phát (bên có liên quan)
53	48/NQ-HĐQT	01/11/2023	Thông qua miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Đỗ Thị Thanh Thủy
54	49/NQ-HĐQT	01/11/2023	Thông qua bổ nhiệm chức vụ Phụ trách kế toán đối với bà Lê Thị Hải
55	50/NQ-HĐQT	03/11/2023	Thông qua việc gia hạn và sửa đổi Hợp đồng vay tiền số 64B/DAG-HĐ giữa Công ty và ông Nguyễn Bá Hùng (người có liên quan)
56	71/QĐ-HĐQT	08/11/2023	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH Smart Window Việt Nam đối với Ông Đặng Nhân Dũng
57	72/QĐ-HĐQT	08/11/2023	Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH Smart Window Việt Nam đối với Ông Trần Việt Thắng
58	51/NQ-HĐQT	20/11/2023	Thông qua thay đổi đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023
59	53/NQ-HĐQT	15/12/2023	Thông qua miễn nhiệm chức vụ Phụ trách kế toán đối với bà Lê Thị Hải
60	54/NQ-HĐQT	15/12/2023	Thông qua bổ nhiệm chức vụ Phụ trách kế toán đối với bà Phạm Thị Phương
61	55/NQ-HĐQT	27/12/2023	Thông qua việc sửa đổi Hợp đồng cho vay tiền số 21A/HĐTT-DAG giữa Công ty và ông Phạm Ngọc Hình
62	56/NQ-HĐQT	27/12/2023	Thông qua việc sửa đổi Hợp đồng cho vay tiền số 79A/HĐTT-DAG giữa Công ty và ông Nguyễn Bá Hùng
63	57/NQ-HĐQT	27/12/2023	Thông qua sửa đổi quy chế phát hành cổ phiếu ESOP

Kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, trong đó:

❖ Những nội dung công việc đã hoàn thành:

- Hoàn thiện cơ bản và đưa 3 nhà máy gồm: Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại KCN Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam; Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á tại KCN Tân Tạo, Tp. Hồ Chí Minh; Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Smart Window Việt Nam tại Cụm CN Ngọc Hồi, Tp. Hà Nội đi vào vận hành, chạy thử sản xuất.
- Phát hành thành công 750.000 cổ phiếu thưởng ESOP cho cán bộ công nhân viên;
- Thực hiện việc trích lập các quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023 đã thông qua; lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023; Ban hành Điều lệ sửa đổi và đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

❖ Những nội dung công việc còn tồn tại, tiếp tục thực hiện

- Về chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2023, Công ty không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Nguyên nhân là do: tình hình kinh tế khó khăn, doanh thu bán hàng của Công ty bị sụt giảm mạnh; Công ty gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí lãi vay ở mức cao. Trong khi đó, Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giảm giá hàng tồn kho dẫn đến chi phí trích lập lớn.
- Phương án phát hành thêm cổ phiếu hoán đổi nợ tăng vốn điều lệ: Công ty đã triển khai thủ tục để đăng ký phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ. Tuy nhiên, hồ sơ phát hành cần bổ sung, hoàn thiện thêm. Đến nay, kế hoạch phát hành vẫn chưa thực hiện được.
- Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp: do tình hình biến động của thị trường, nhà đầu tư quyết định chưa tham gia. Do vậy, phương án phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp chưa được triển khai. HĐQT báo cáo để cổ đông biết và sẽ xem xét triển khai trong thời gian phù hợp.

Công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành, trong năm 2023 HĐQT đã có những giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua tham gia các cuộc họp HĐQT và họp với Ban Tổng Giám đốc công ty để nắm bắt tình hình, kịp thời đưa ra các định hướng, kế hoạch kinh doanh và đáp ứng các yêu cầu phát sinh để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra bình thường, thông suốt. Cụ thể:

- Giám sát việc tuân thủ, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các Dự án mà Công ty đang triển khai và hoạt động đầu tư, kinh doanh của các công ty con.
- Giám sát hoạt động quản lý của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được đề ra.
- Giám sát công tác tổ chức bộ máy nhân sự, ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty,
- Tổ chức chỉ đạo, giám sát và đôn đốc thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm, Báo cáo thường niên.

Những hoạt động giám sát chính của HĐQT đối với Ban điều hành Công ty trong năm 2023 được đánh giá là kịp thời.

3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) của DAG gồm ba (3) thành viên, do ĐHĐCD bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và BTGD. Hiện các thành viên BKS Công ty đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm chức danh điều hành tại Công ty để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiến nghị trong lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao năng lực quản trị tuân theo các chuẩn mực kế toán tại DAG. Các thành viên BKS Công ty là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

3.1. Danh sách thành viên Ban kiểm Soát công ty:

STT	Thành viên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Phạm Thế Hoàng	Trưởng Ban	08/04/2023	0	0%
2	Bà Ngô Thị Trang	Thành viên	28/4/2022	0	0%
3	Ông Nguyễn Nam Cường	Thành viên	06/4/2023	0	0%

3.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2023, Ban kiểm soát tiến hành 04 cuộc họp Ban kiểm soát với các nội dung sau:

- Đánh giá quá trình hoạt động của Công ty về việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành;
- Đánh giá sự tuân thủ trong quá trình hoạt động của Công ty về việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCD và Nghị quyết Hội đồng quản trị (HĐQT);
- Đánh giá sự tuân thủ của Ban lãnh đạo điều hành doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT;
- Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán giữa niên độ/năm, xem xét kiểm tra sổ sách kế toán và các tài liệu khác có liên quan.
- Thông qua các liên quan đến xin miễn nhiệm, đề xuất ứng viên tham gia Ban Kiểm soát

a. Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty

i. Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh 2023

Đơn vị tính: tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	BCTC Hợp nhất		Tăng/ Giảm
	Năm 2023	Năm 2022	
Tổng giá trị tài sản	2.174	2.178	-0,18%
Doanh thu thuần	1.203	2.242	-46,3%
Tổng lợi nhuận sau thuế	(257)	7,3	-3.620%

ii. Các chỉ tiêu tài chính trọng yếu 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	64,44	66,45
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	35,55	33,54
2. Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	80,22	68,46
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	19,73	31,53
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành {(Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn}	Lần	0,36	0,38
4. Tỷ suất sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu bán hàng	%	-21,37	0,32
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-59,85	1,07

b. Kết quả giám sát việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch hoạt động của Công ty

- Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh: Công ty không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế.
- Thực hiện trích lập các quỹ dự theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023; Thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023; Ban hành Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.
- Về chủ trương triển khai kế hoạch đầu tư các dự án: Công ty hoàn thành việc xây dựng mở rộng, sửa chữa, cải tạo 3 nhà máy và đưa vào hoạt động vận hành.
- Về phương án chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ: Công ty đã phát hành thành công 750.000 cổ phiếu thưởng ESOP cho CBNV đồng thời triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ. Tuy nhiên, do tình hình biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá cổ phiếu DAG, phương án chưa thực hiện được.

Kết quả giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT

Trong năm 2023, Công ty đã triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT như sau:

- Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh: Công ty không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế.
- Thực hiện trích lập các quỹ dự theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023; Thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023; Ban hành Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.
- Về chủ trương triển khai kế hoạch đầu tư các dự án: Công ty cơ bản hoàn thành việc xây dựng mở rộng, sửa chữa, cải tạo 3 nhà máy và đưa vào hoạt động vận hành.
- Về phương án chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ: Công ty đã phát hành thành công 750.000 cổ phiếu thưởng ESOP cho CBNV đồng thời triển khai phương án phát hành

thêm cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ. Tuy nhiên, do tình hình biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá cổ phiếu DAG, phương án chưa thực hiện được.

Kết quả giám sát tình hình tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ quản trị của Công ty:

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi có yêu cầu.

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên cũng như bộ máy điều hành công ty để có biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước.

Kết quả giám sát tình hình tài chính kế toán của Công ty:

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, bán niên, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác của Công ty và những người có liên quan

Các giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác của Công ty và những người có liên quan đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục phê duyệt theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và liệt kê, công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023 của Công ty.

Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (BTGD) trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023.
- Năm 2023, HĐQT đã tổ chức 41 cuộc họp HĐQT, ban hành 63 nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT liên quan đến công tác triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, quản trị, điều hành, tổ chức nhân sự. Số cuộc họp và số thành viên tham dự các cuộc họp HĐQT đảm bảo theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Các nghị quyết của HĐQT được ban hành kịp thời, đúng chức năng, quyền hạn của HĐQT và phù hợp với chủ trương, nghị quyết của ĐHĐCĐ và đảm bảo tuân thủ Luật doanh nghiệp cũng như các quy định khác của pháp luật.
- Dưới sự giám sát, chỉ đạo kịp thời của HĐQT, trong năm 2023 Tổng Giám đốc đã có cố gắng, nỗ lực trong việc lãnh đạo, chỉ đạo để đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám Đốc

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi có yêu cầu.
- Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên cũng như bộ máy điều hành công ty để có biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước.

4. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS:

Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS tuân thủ theo quy định của Công ty về chế độ thù lao đối với các thành viên HĐQT, BKS được ĐHCĐ thông qua tại kỳ họp ĐHCĐ thường niên năm 2023. Tiền thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS được trình bày cụ thể cho từng thành viên trong Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2023, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập khác	Tổng cộng
1	Trần Việt Thắng (từ ngày 08/04/2023)	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	751.000.000	811.000.000
2	Nguyễn Bà Hùng (đến ngày 01/8/2023)	P.CT HĐQT	38.000.000	83.112.000	121.112.000
3	Nguyễn Hữu Quân (từ 28/04/2022)	Tv. HĐQT	18.000.000	456.000.000	474.000.000
4	Phạm Quang Huỳnh (từ 28/04/2022)	Tv. HĐQT	18.000.000		18.000.000
5	Đường Ngọc Diệu (từ ngày 19/12/2022)	TGD	18.000.000	598.308.795	616.308.795
6	Phạm Thế Hoàng (từ 08/4/2023)	Tv. BKS	14.000.000		14.000.000
7	Nguyễn Nam Cường (đến 08/04/2023)	Tv. BKS	10.500.000		10.500.000
8	Ngô Thị Trang (từ 28/04/2022)	Tv. BKS	10.500.000		10,500.000
	Tổng cộng		187.000.000	1.888.420.795	2.075.420.795

5. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	12.719.994	21,36%	3.019.994	5,07%	Bán 9.700.000 cổ phần

2	Trần Việt Thắng	Người nội bộ	0	0%	250.000	0,41%	Nhận cổ phiếu thưởng ESOP
3	Đường Ngọc Diệu	Người nội bộ	0	0%	103.000	0,17%	Nhận cổ phiếu thưởng ESOP
4	Nguyễn Hữu Quân	Người nội bộ	0	0%	52.000	0,086%	Nhận cổ phiếu thưởng ESOP
5	Đỗ Thị Thanh Thủy	Người nội bộ	0	0%	52.000	0,086%	Nhận cổ phiếu thưởng ESOP
6	Nguyễn Hoàng Hải	Người nội bộ	17.000	0,028%	31.000	0,079%	Nhận cổ phiếu thưởng ESOP
7	Đặng Nhân Dũng	Người có liên quan	0	0%	31.000	0,051%	Nhận cổ phiếu thưởng ESOP

6. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSII*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT			Từ 01/01-30/6/2023	35A/NQ-HĐQT ngày 06/06/2023 và 39A/NQ-HĐQT ngày 03/07/2023	Vay: 69.689.164.384 đồng Hình thức vay: thông qua việc dùng Tài sản đảm bảo (Số tiết kiệm) để trả nợ ngân hàng VP Bank và Public Bank	
2	Ông Đường Ngọc Diệu	Tổng Giám đốc			Từ 01/01-30/6/2023	49/NQ-HĐQT ngày 31/12/2022	Đến thời điểm 31/12/2023 vay: 14.950.000.000 đồng. Khoản vay này đã đối ứng bằng hàng (ký gửi hàng bán), quyết toán sau 6 tháng	
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông lớn			Năm 2023	42/NQ-HĐQT ngày 14/7/2023	Vay: 22.044.713.905 đồng	

7. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hữu Quân		Tv HĐQT kiêm PTGD		443 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Cường, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Năm 2023	Đến thời điểm 31/12/2023 vay: 36.077.900.000 đồng. Khoản vay này đã đối ứng bằng hàng (ký gửi hàng bán), quyết toán sau 6 tháng	
2	Ông Trần Việt Thăng		Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD		P. 516-4B, TT Ngân hàng, Chương Dương, Hoàn Kiếm, HN	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Q2/2023	Đến thời điểm 31/12/2023 vay: 590.000.000 đồng.	
3	Ông Đường Ngọc Diệu		Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD		TDP 2, phường Ea Tam, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Q2&3/2023	Đến thời điểm 31/12/2023 vay: 1.200.000.000 đồng.	
4	Ông Trần Việt Thăng		Chủ tịch HĐQT kiêm TGD		P. 516-4B, TT Ngân hàng, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	Năm 2023	Đến thời điểm 31/12/2023 vay: 40.000.000.000 đồng. Khoản vay này đã đối ứng bằng hàng (ký gửi hàng bán), quyết toán sau 6 tháng	

8. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
-----	---------------------	-----------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------	---	--	---------

VI. Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2023

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2023 do Công ty tự lập.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Tp. HCM;
- Lưu: VT, QHCD

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đường Ngọc Diệu



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 4 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 – CN5 – Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 – 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 4 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch
Ông Đường Ngọc Diệu	Phó chủ tịch (Từ ngày 02/08/2023)
Ông Nguyễn Bá Hùng	Phó Chủ tịch (Đến ngày 02/08/2023)
Ông Nguyễn Hữu Quân	Ủy viên
Ông Phạm Quang Huỳnh	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Thế Hoàng	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Nam Cường	Thành viên
Bà Ngô Thị Trang	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này là:

Ông Đường Ngọc Diệu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quân	Phó Tổng Giám Đốc (từ ngày 20/01/2023) (ii)
Ông Trần Việt Thắng	Phó Tổng Giám Đốc phụ trách về tài chính (từ ngày 22/03/2023) (iii)

(ii) Theo Quyết định HĐQT số 02/QĐ-HĐQT ngày 20/01/2023 về việc Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc Công ty đối với ông Nguyễn Hữu Quân.

(iii) Theo Quyết định HĐQT số 09/QĐ-HĐQT ngày 22/03/2023 về việc Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc phụ trách về tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoạn và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban

Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đường Ngọc Diệu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 4 năm 2023
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01a – DN/HN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.401.420.953.472	1.447.724.272.112
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.342.566.990	2.584.288.907
1. Tiền	111		6.342.566.990	2.584.288.907
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	97.362.975.327
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.11	-	97.362.975.327
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		521.009.477.134	360.183.338.555
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	381.738.259.973	305.723.498.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	172.352.485.502	29.708.154.470
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	158.601.836.150	24.751.685.919
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(87.192.462.283)	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	856.469.569.706	969.292.562.126
1. Hàng tồn kho	141		890.590.112.308	969.292.562.126
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.120.542.602)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.599.339.642	18.301.107.197
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	9.084.444.029	763.693.779
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.15	8.514.895.613	17.494.992.626
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	-	42.420.792
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		773.120.701.091	730.805.496.783
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		105.299.812.017	16.746.682.356
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	10.763.219.918	16.746.682.356
II. Tài sản cố định	220		615.347.193.567	621.592.075.571
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	392.213.869.271	404.137.669.944
Nguyên giá	222		723.408.241.016	701.682.130.661
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(331.194.371.745)	(297.544.460.717)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.8	222.660.466.790	217.243.239.555
Nguyên giá	225		281.567.301.757	254.862.882.575
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(58.906.834.967)	(37.619.643.020)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	472.857.506	211.166.072
Nguyên giá	228		3.014.609.854	2.190.109.854
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.541.752.348)	(1.978.943.782)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.989.147.256	59.255.149.428
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	38.989.147.256	59.255.149.428
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	5.600.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.11	-	5.600.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.484.548.251	27.611.589.428
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	13.484.548.251	27.611.589.428
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.174.541.654.563	2.178.529.768.895

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Quý 4 năm 2023
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01a – DN/HN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.744.796.011.371	1.491.574.559.089
I. Nợ ngắn hạn	310		1.487.883.817.233	1.244.878.816.511
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	61.707.679.948	192.118.321.250
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	176.237.456.566	42.383.518.839
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	8.118.683.201	8.808.324.114
4. Phải trả người lao động	314		2.634.302.982	3.833.992.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	25.637.934.724	1.993.580.646
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.17	-	171.477.245
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	175.246.404.304	16.422.580.157
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	1.022.896.876.622	963.742.543.227
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.404.478.886	15.404.478.886
II. Nợ dài hạn	330		256.912.194.138	246.695.742.578
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.13	1.207.615.399	1.207.615.398
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.18	129.686.000	129.686.002
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	255.574.892.739	245.358.441.178
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		429.745.643.192	686.955.209.806
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	429.745.643.192	686.955.209.806
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		603.141.120.000	595.641.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.141.120.000	595.641.120.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		491.921.439	7.991.921.439
3. Cổ phiếu quỹ	415		(19.840.000)	(19.840.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.542.735.814	41.542.735.814
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		23.104.269.333	23.104.269.333
6. LNST chưa phân phối	421		(238.514.563.394)	18.695.003.220
- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		18.695.003.220	11.305.717.267
- Lợi nhuận năm nay	421b		(257.209.566.614)	7.389.285.953
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.174.541.654.563	2.178.529.768.895

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Đông Nam Tuấn
 Người lập

Phạm Thị Phương
 Kế toán trưởng



Đường Ngọc Diệu
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 4 năm 2023

Mẫu số B 02a – DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4 Năm 2023	Quý 4 Năm 2022	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	30.662.063.412	480.901.432.648	1.203.626.258.760,00	2.272.739.383.853
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	29.745.354.635
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		30.662.063.412	480.901.432.648	1.203.626.258.760,00	2.242.994.029.218
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	32.291.592.548	448.475.551.002	1.268.563.327.503,00	2.132.879.777.177
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		(1.629.529.136)	32.425.881.646	(64.937.068.743,00)	110.114.252.041
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	367.938.233	3.188.465.232	11.120.821.822,00	10.239.964.608
7. Chi phí tài chính	22	5.4	15.894.961.315	22.954.933.961	78.612.755.275,00	69.272.037.355
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.894.961.315	20.752.389.127	78.563.265.400,00	13.921.796.733
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	903.994.886	2.514.579.351	8.630.006.224,00	9.280.858.487
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	4.473.932.582	8.023.833.058	114.280.728.102,00	28.971.816.932
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(22.534.479.686)	2.121.000.508	(255.339.736.522,00)	12.829.503.875,00
12. Thu nhập khác	31	5.7	199.827.285	668.823.618	1.941.756.218,00	3.730.587.401
13. Chi phí khác	32	5.8	-	1.175.012.816	3.542.142.826,00	2.028.041.453
14. Lợi nhuận khác	40		199.827.285	(506.189.198)	(1.600.386.608,00)	1.702.545.948,00
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(22.334.652.401)	1.614.811.310	(256.940.123.130,00)	14.532.049.823,00
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	1.548.448.737	269.443.784,00	7.142.763.870
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(22.334.652.401)	66.362.573	(257.209.566.914,00)	7.389.285.953
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(22.334.652.401)	66.362.573	(257.209.566.914)	7.389.285.953
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	(392)	1	(4.516)	124

Hà Nội ngày 30 tháng 01 năm 2024



Phạm Thị Phương

Phạm Thị Phương
 Kế toán trưởng

Đông Nhâm Tuấn

Đông Nhâm Tuấn
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2023

Mẫu số B 03a – DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(256.940.123.130)	14.532.049.823
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		55.499.911.541	69.285.063.241
- Các khoản dự phòng	03		121.313.004.885	-
- Lãi/(lãi) chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			519.285.126
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(89.733.946)	(7.413.490.288)
- Chi phí lãi vay	06			67.158.865.104
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(80.216.940.650)	144.081.773.006
- (Tăng) các khoản phải thu	09		(249.379.268.240)	65.136.671.033
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		74.702.449.818	(190.934.627.649)
- Tăng các khoản phải trả	11		(210.425.765.466)	(101.762.503.514)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		5.806.290.927	3.198.252.729
- Lãi tiền vay đã trả	14			(66.296.842.400)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(768.099.617)	(10.703.053.530)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(460.281.333.228)	(157.280.330.325)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác (*)	21		(7.610.045.455)	(50.727.989.278)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác	22			18.518.518
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(49.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		102.962.975.327	40.804.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		89.733.946	3.601.296.355
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		95.442.663.818	(56.104.174.405)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.065.390.726.689	2.176.343.185.859
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(677.303.794.227)	(1.974.640.400.645)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(19.489.984.969)	(44.964.830.699)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		368.596.947.493	156.737.954.515
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		3.758.278.083	(56.646.550.215)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	2.584.288.907	59.750.124.248
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(519.285.126)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	6.342.566.990	2.584.288.907

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Đồng Nhâm Tuấn
 Người lập

Phạm Thị Phương
 Kế toán trưởng



Đường Ngọc Diệu
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đồng Á (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02 tháng 10 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần gần nhất là **603.141.120.000** đồng (Sáu trăm linh ba tỷ, một trăm bốn một triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là DAG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Tái chế phế liệu;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Đại lý du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 Cấu trúc Tập đoàn

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Văn phòng làm việc tại: tầng 9, tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, Công ty có 03 công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (i)	Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (ii)	Lô số 36 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam (iii)	Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	100%	100%

- (i) Công ty TNHH Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0101099228-002, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 8 ngày 18 tháng 04 năm 2022. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- (ii) Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 0305056511, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và thay đổi lần thứ 12 ngày 15 tháng 04 năm 2022. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng.
- (iii) Công ty TNHH Smart Window Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0102188015, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2007 và thanh đổi lần thứ 13 ngày 07 tháng 04 năm 2022. Hoạt động chính của Công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công lắp đặt cửa kính.

1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 150 người (Tại ngày 01/01/2023 là 290 người).

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 4 năm 2024 và cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2023 và kết thúc ngày 31/12/2023 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2.2 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2023 và kết thúc ngày 30/09/2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

2.3 Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

3.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3.3 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm (theo VAS 11 - Hợp nhất kinh doanh thì thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng biệt như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

3.4 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ đi tổn thất của các khoản đầu tư.

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ...;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ;

3.10 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

3.10 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (Tiếp)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng hữu ích (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48
Máy móc, thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 – 08
Tài sản khác	05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 Tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả.

Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hoá theo chính sách chung của Công ty về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Công ty. Số năm tính khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

**Thời gian sử dụng hữu ích
(năm)**

Phương tiện vận tải truyền dẫn

06 – 08

3.12 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 08 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Trường hợp bất động sản xây dựng sử dụng cho nhiều mục đích (làm văn phòng, cho thuê hoặc để bán, ví dụ như tòa nhà chung cư hỗn hợp) và không hạch toán hợp nhất hoặc xác định được tỷ trọng chi phí xây dựng cho các cấu phần thành phẩm bất động sản, TSCĐ hoặc bất động sản đầu tư thì chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc đầu tư xây dựng trên được trình bày trên chỉ tiêu chi phí xây dựng kinh doanh dở dang. Khi công trình, dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán căn cứ cách thức sử dụng tài sản trong thực tế để kết chuyển chi phí đầu tư xây dựng phù hợp với bản chất của từng loại tài sản.

3.13 Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: các khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

3.14 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.16 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

3.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

3.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

28 - C
CÔNG TY
TẬP ĐOÀN
NHỰA ĐÔNG Á
- TP. HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.20 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.23 Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

3.24 Chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

3.25 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.26 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp" và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân chia lợi nhuận.

3.27 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.27 Thuế (Tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.29 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.30 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

2226
CÔNG TY
PHÂN
ĐOÀN
ĐÔNG Á
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	114.646.055	1.100.589.275
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.227.920.935	1.483.699.632
Cộng	6.342.566.990	2.584.288.907

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Các khoản phải thu bên thứ ba	381.738.259.973	305.723.498.166
<i>Công ty TNHH Danpla Việt Nam</i>	20.340.280.569	48.757.150.459
<i>Dongguan City Kacal Plastic Material Import and Export Co., Ltd</i>	9.966.009.312	-
<i>Foshan city shunde district dihang import and export ltd</i>	11.727.356.409	-
<i>Dongguan gaosheng plastic co.,ltd.</i>	11.678.123.600	-
<i>Shuodafeng technology (dongguan) co.,ltd</i>	7.051.614.188	-
<i>Wenzhou Pingcal Trade Co., Ltd</i>	2.898.100.458	-
<i>Laizhou bowei international trade co.,ltd</i>	5.734.001.800	-
<i>Công ty TNHH V&H Việt Nam</i>	38.779.679.058	-
<i>Jiangyin Renhao Import & Export Co.,Ltd</i>	18.076.959.551	18.076.959.551
Các khách hàng khác	220.107.047.428	187.143.539.730
<i>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Vĩnh Trường</i>	13.123.597.200	51.745.848.426
<i>Công ty TNHH Phát triển đầu tư Thương Mại Hà Nội</i>	16.504.000.000	-
<i>Công ty TNHH Phát triển HDP Việt Nam</i>	5.751.490.400	-
Cộng	381.738.259.973	305.723.498.166

4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho bên thứ ba	172.352.485.502	29.708.154.470
<i>Công ty TNHH Vật liệu và Hóa chất Hoàng Nam</i>	2.904.228.906	236.972.597
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiến Vinh</i>	7.639.052.892	62.197.738
<i>PT ASAHIMAS CHEMICAL (AGC VIET NAM) (ASC)</i>	7.468.844.040	-
<i>Shenzhen Power Way International Freight Co.,LTD</i>		19.922.648.782
Các đối tượng khác	154.340.359.664	9.486.335.353
Cộng	172.352.485.502	29.708.154.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.4 Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Phải thu bên thứ ba	158.601.836.150	24.751.685.919
- Ký cược, ký quỹ	10.179.389.192	3.147.307.959
- Thuế GTGT chờ kê khai	12.406.714.757	12.896.499.230
- Tam ứng	-	3.600.000.000
- Phải thu khác	136.015.732.201	5.107.878.730
+ Các đối tượng khác	136.015.732.201	5.107.878.730
Cộng	158.601.836.150	24.751.685.919
Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	10.763.219.918	16.746.682.356
+ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	9.523.931.391	8.460.793.000
+ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội	1.046.258.770	1.923.547.970
+ Công ty cho thuê Tài chính TNHH BIDV Sumitrust- CN Hà Nội	-	620.040.000
+ Công ty thuê Tài chính NH Ngoại thương Việt Nam _ VCB Leasing	22.728.371	5.572.000.000
+ Các đối tượng khác	170.301.386	170.301.386
Cộng	10.763.219.918	16.746.682.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.5 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nguyên liệu, vật liệu	291.234.162.709	294.459.559.254
Công cụ, dụng cụ	78.997.223	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.860.714.124	5.860.332.242
Thành phẩm	43.513.479.986	184.630.716.651
Hàng hóa	549.902.758.266	484.341.953.979
Cộng	856.469.569.706	969.292.562.126

4.6 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	185.483.104
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.084.444.029	578.210.675
Cộng	9.084.444.029	763.693.779
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	229.380.670
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	-	7.488.953.449
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	-	1.000.819.082
Chi phí sửa chữa tài sản	-	16.293.945.711
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.484.548.251	2.598.490.516
Cộng	13.484.548.251	27.611.589.428

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**
Lô 1 – CN5 – Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi,
xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
QUÝ 4 NĂM 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2023	322.585.139.000	360.118.573.909	17.532.611.253	1.289.164.659	156.641.840	701.682.130.661
Mua sắm	780.000.000	6.304.545.455	-	-	-	7.084.545.455
XDCB hoàn thành	-	36.872.468.814	-	-	-	36.872.468.814
Tặng khác do mua lại TS TTC	-	17.934.134.586	-	-	-	17.934.134.586
Thanh lý, nhượng bán	-	(33.065.038.500)	(7.100.000.000)	-	-	(40.165.038.500)
Tại ngày 31/12/2023	323.365.139.000	388.164.684.264	10.432.611.253	1.289.164.659	156.641.840	723.408.241.016
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2023	100.751.327.718	188.036.054.392	7.437.649.840	1.162.786.927	156.641.840	297.544.460.717
Khấu hao	10.151.264.256	34.474.442.165	838.366.577	17.045.451	-	45.481.118.449
Tặng khác do mua lại TS TTC	-	4.688.827.001	-	-	-	4.688.827.001
Thanh lý, nhượng bán	-	(15.082.941.809)	-1.437.092.613	-	-	(16.520.034.422)
Tại ngày 31/12/2023	110.902.591.974	212.116.381.749	6.838.923.804	1.179.832.378	156.641.840	331.194.371.745
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	221.833.811.282	172.082.519.517	10.094.961.413	126.377.732	-	404.137.669.944
Tại ngày 31/12/2023	212.462.547.026	176.048.302.515	3.593.687.449	109.332.281	-	392.213.869.271

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 91.407.091.607 VND. Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 74.726.627.215 VND.

CÔNG
CỔ PH
TẬP Đ
NHỰA
ĐÔNG
Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.8 Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023	254.862.882.575	254.862.882.575
Thuê phát sinh	26.704.419.182	26.704.419.182
Trả lại TSCĐ thuê		-
Tại ngày 31/12/2023	281.567.301.757	281.567.301.757
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2023	37.619.643.020	37.619.643.020
Trích khấu hao	2.541.752.348	2.541.752.348
Trả lại TSCĐ thuê	18.745.439.599	18.745.439.599
Tại ngày 31/12/2023	58.906.834.967	58.906.834.967
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	217.243.239.555	217.243.239.555
Tại ngày 31/12/2023	222.660.466.790	222.660.466.790

4.9 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023	2.190.109.854	2.190.109.854
Mua sắm	525.500.000	525.500.000
Tặng khác	299.000.000	299.000.000
Tại ngày 31/12/2023	3.014.609.854	3.014.609.854
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2023	1.978.943.782	1.978.943.782
Khấu hao	562.808.566	562.808.566
Tại ngày 31/12/2023	2.541.752.348	2.541.752.348
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	211.166.072	211.166.072
Tại ngày 31/12/2023	472.857.506	472.857.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Mua sắm tài sản cố định	2.392.797.125	37.481.330.178
Mua sắm tài sản cố định	2.392.797.125	37.481.330.178
Xây dựng cơ bản dở dang	36.596.350.131	21.474.819.250
Xây dựng nhà xưởng tại KCN Châu Sơn, Hà Nam	36.596.350.131	21.474.819.250
Chi phí triển khai phần mềm kế toán	-	299.000.000
Chi phí triển khai phần mềm kế toán	-	299.000.000
Cộng	38.989.147.256	59.255.149.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.11 Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
	-	-	10.681.654.564	10.681.654.564
	-	-	1.781.320.763	1.781.320.763
	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000
	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
	-	-	10.700.000.000	10.700.000.000
Cộng	-	-	97.362.975.327	97.362.975.327

Dài hạn bên thứ ba

Trái phiếu Chính phủ/Doanh nghiệp
 Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh

	-	-	5.600.000.000	5.600.000.000
Cộng	-	-	5.600.000.000	5.600.000.000

- (i) Công ty đã dùng toàn bộ khoản tiền gửi này để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.
- (ii) Công ty đã dùng toàn bộ khoản tiền gửi này để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Sở giao dịch.
- (iii) Công ty đã dùng toàn bộ khoản tiền gửi này để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Thăng Long.
- (iv) Công ty đã dùng toàn bộ khoản tiền gửi này để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam
- (v) Công ty đã dùng toàn bộ khoản tiền gửi này để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.12 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Phải trả người bán bên thứ ba	61.707.679.948	192.118.321.250
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vinh Trường</i>	-	37.803.723.575
<i>Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng và Hóa chất Hoàng Nam</i>	-	90.139.311.228
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiền Vinh</i>	5.977.745.760	29.959.582.084
<i>Công ty Jampoo Union Corp</i>	-	1.267.912.056
<i>Công ty CP Dịch vụ Đô thị Hancorp</i>	1.145.431.307	-
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	41.128.937.881	32.947.792.307
<i>Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam</i>	13.455.565.000	-
Cộng	61.707.679.948	192.118.321.250
Dài hạn		
Phải trả người bán bên thứ ba	1.207.615.399	1.207.615.398
<i>Foshan Gaoming Hengrui Export and Import Co.,Ltd</i>	1.207.615.399	1.207.615.398
Cộng	1.207.615.399	1.207.615.398

4.13 Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Bên thứ ba trả tiền trước	176.237.456.566	27.835.618.752
<i>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Vinh Trường</i>	12.541.208.108	27.339.020
<i>Công ty TNHH Đanpla Việt Nam</i>	50.007.556.934	14.231.241.623
<i>Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam</i>	9.044.863.488	9.199.712.049
<i>Các đối tượng khác</i>	104.643.828.036	4.377.326.060
Cộng	176.237.456.566	27.835.618.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Mẫu số B 09a – DN/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2023		Trong kỳ		Tại ngày 31/12/2023	
	Số dư	Phải nộp	Tăng	Khấu trừ	Số dư	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế GTGT được khấu trừ	17.494.992.626	-	102.044.883.926	111.024.980.939	8.514.895.613	-
Thuế GTGT đầu ra	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	42.420.792	-	901.775.370	859.354.578	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	193.134.543	193.134.543	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.120.618.182	655.631.932	768.099.617	-	7.008.150.500
Thuế thu nhập cá nhân	-	272.047.928	507.362.083	462.834.535	-	316.575.476
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	644.772.681	1.394.974.764	604.412.505	-	793.957.225
Lệ phí môn bài	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	770.885.323	1.270.425.175	1.493.330.306	-	-
Cộng	42.420.792	8.808.324.114	4.932.303.867	4.390.166.084	-	8.118.683.201

TR
 AN
 JÁN
 ONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) Mẫu số B 09a – DN/HN
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	25.531.453.243	1.784.489.736
Chi phí kiểm toán	106.481.481	209.090.910
Cộng	25.637.934.724	1.993.580.646

4.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Doanh thu bán hàng, dịch vụ nhận trước	-	171.477.245
Cộng	-	171.477.245

4.17 Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan (i)	-	1.162.615.225
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	-	711.352.825
Các khoản phải trả bên thứ ba	9.218.117.702	15.259.964.932
<i>Kinh phí công đoàn</i>	1.660.246.809	2.028.270.917
<i>Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN</i>	5.376.270.520	4.469.518.301
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam</i>	-	641.250.000
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	2.181.600.373	8.120.925.714
Cộng	9.218.117.702	16.422.580.157
Dài hạn		
Các khoản phải trả bên thứ ba	129.686.000	129.686.002
<i>Nhận ký quỹ, ký cược</i>	129.686.000	129.686.002
Cộng	129.686.000	129.686.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.18 Vay và nợ thuế tài chính

a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Mẫu số B 09a – DN/HN

	Tại ngày 01/01/2023		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Tại ngày 31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	919.779.200.466	919.277.557.040	814.645.643.713	814.645.643.713	956.361.949.409		956.361.949.409	
Các bên liên quan	114.000.000.000	85.304.720.290	440.000.000	440.000.000	130.815.555.906		130.815.555.906	
Nguyễn Bá Hùng	114.000.000.000	-	-	-	114.000.000.000		114.000.000.000	
Ông Trần Việt Thắng	-	340.000.000	340.000.000	340.000.000	-		-	
Ông Đường Ngọc Diệu	-	1.300.000.000	100.000.000	100.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hùng Phát	-	15.615.555.906	-	-	15.615.555.906		15.615.555.906	
Bên thứ ba	805.779.200.466	833.972.836.750	814.205.643.713	814.205.643.713	825.546.393.503		825.546.393.503	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN	279.433.142.721	363.502.985.186	251.729.159.822	251.729.159.822	391.206.968.085		391.206.968.085	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam- CN Hà Nội	17.818.108.736	13.870.664.265	17.818.108.736	17.818.108.736	13.870.664.265		13.870.664.265	
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (4)	49.698.823.821	36.173.386.060	46.729.124.519	46.729.124.519	39.143.085.362		39.143.085.362	
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (5)	69.889.798.220	53.254.325.809	52.381.425.410	52.381.425.410	70.762.698.619		70.762.698.619	
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam (6)	104.944.979.241	113.695.576.033	133.640.805.124	133.640.805.124	84.999.750.150		84.999.750.150	
Ngân hàng TMCP Saccobank (7)	4.302.734.560	8.613.432.010	9.490.996.580	9.490.996.580	3.425.169.990		3.425.169.990	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (8)	84.153.727.032	45.186.274.012	52.873.013.184	52.873.013.184	76.466.987.860		76.466.987.860	
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga (9)	6.737.707.518	23.798.940.397	6.739.472.785	6.739.472.785	23.797.175.130		23.797.175.130	
Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh - CN Hà Nội	84.159.250.594	61.878.713.770	50.711.545.764	50.711.545.764	95.326.418.600		95.326.418.600	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (11)	69.813.901.572	60.240.099.318	118.736.027.106	118.736.027.106	11.317.973.784		11.317.973.784	
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	34.827.026.451	53.758.439.890	73.355.964.683	73.355.964.683	15.229.501.658		15.229.501.658	
Vay dài hạn đến hạn trả	852.000.000	2.350.000.000	2.202.000.000	2.202.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	
Bên thứ ba	852.000.000	2.350.000.000	2.202.000.000	2.202.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Sở giao dịch (13)	852.000.000	-	852.000.000	852.000.000	-		-	
Cá nhân Ông Lê Văn Việt	-	2.350.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	43.111.342.761	41.913.569.422	19.489.984.969	19.489.984.969	65.534.927.214		65.534.927.214	
Bên thứ ba	43.111.342.761	41.913.569.422	19.489.984.969	19.489.984.969	65.534.927.214		65.534.927.214	
Công ty TNHH cho thuê Tài chính quốc tế Việt Nam (1)	11.003.116.265	11.003.116.265	5.034.471.392	5.034.471.392	16.971.761.138		16.971.761.138	
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế	-	-	-	-	-		-	
Chailease - CN HN (17)	4.101.624.720	3.707.606.933	2.438.436.629	2.438.436.629	5.370.795.024		5.370.795.024	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV Sumitrust CN	803.755.552	-	803.755.552	803.755.552	-		-	
Công ty thuê Tài chính NHNT Việt Nam_VCB Leasing	27.202.846.224	27.202.846.224	11.213.321.396	11.213.321.396	43.192.371.052		43.192.371.052	
Cộng	963.742.543.227	963.541.126.462	836.337.628.682	836.337.628.682	1.022.896.876.622		1.022.896.876.622	

1099
 CÔNG
 CỔ P
 TẬP
 NHỰA
 THANH T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Mẫu số B 09a – DN/HN

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	150.113.000.000	154.209.164.384	94.357.000.000	212.491.721.644
Các bên liên quan	29.777.000.000	154.209.164.384	94.357.000.000	89.629.164.384
Ông Nguyễn Bá Hùng	-	70.139.164.384	450.000.000	69.689.164.384
Ông Nguyễn Hữu Quân	29.777.000.000	82.100.000.000	92.527.000.000	19.350.000.000
Ông Trần Việt Thắng	-	1.970.000.000	1.380.000.000	590.000.000
Bên thứ ba	120.336.000.000	-	-	122.862.557.260
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga -CN Sờ giao dịch (1):	1.136.000.000	-	1.136.000.000	-
Cá nhân Ông Phạm Ngọc Hình	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Cá nhân Ông Lê Văn Việt	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Cá nhân Ông Tạ Văn Bình	14.200.000.000	-	14.200.000.000	-
Cá nhân ông Đặng Nhâm Dũng	-	43.270.000.000	25.407.442.740	17.862.557.260
Nợ thuê tài chính dài hạn	95.245.441.178	14.333.169.649	66.495.439.733	43.083.171.095
Bên thứ ba	95.245.441.178	14.333.169.649	66.495.439.733	43.083.171.095
Công ty TNHH cho thuê Tài chính quốc tế Việt Nam	15.756.186.513	14.333.169.649	13.843.221.265	16.246.134.897
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế	3.707.606.933	-	3.707.606.934	-
Chailease - CN Hà Nội	-	-	-	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV Sumitrust CN Hà Nội	-	-	-	-
Công ty thuê Tài chính NHNT Việt Nam_VCB Leasing	75.781.647.732	-	48.944.611.534	26.837.036.198
Cộng	245.358.441.178	168.542.334.033	160.852.439.733	255.574.892.739

(1) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm 3 hợp đồng vay. Cụ thể như sau:

- Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2020/7610660/HĐTD ký vào ngày 16/11/2020 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng trong đó bao gồm cả dư nợ ngắn hạn của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2019/7610660/HĐTD ngày 26/09/2018. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng hết ngày 16/11/2021. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Tài sản đảm bảo gồm: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/1623476/HĐBĐ, số công chứng 8263, quyền số 01-2019/TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 27/9/2019 giữa Công ty TNHH Nhựa Đông Á và ngân hàng (thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê tại KCN Châu Sơn, Hà Nam); Hợp đồng thế chấp tài

1-TP
 JOAN
 TỶ
 IAN
 228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Mẫu số B 09a – DN/HN

sản số 01/2015/7610660/HĐBĐ ngày 27/10/2015 (thế chấp 01 ô tô); Máy nghiền Fomex theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2019/1623476/HĐBĐ ngày 31/05/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

- Các khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/1623476/HĐTD ngày 23/08/2021 với hạn mức vay tối đa là 250.000.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, phát hành L/C, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 23/08/2022. Theo hợp đồng bất động sản số 02/2019/1623476/HĐBĐ, số công chứng 8263, quyền số 01-2019/TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 27/09/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2017/1623476/HĐBĐ ngày 01/11/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thế ba số 01/2018/1623476/HĐBĐ ngày 16/07/2018; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/1623476/HĐBĐ ngày 19/01/2021; Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2021/1623476/HĐBĐ ngày 23/08/2021; Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 04/2021/1623476/HĐBĐ ngày 23/08/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

(2) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - chi nhánh Phạm Hùng theo Hợp đồng tín dụng số 130000446932 ngày 05/7/2016 và các phụ lục hợp đồng, phụ lục số 130000446932-006 ký ngày 04/01/2021. Hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 04/7/2021. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, cho vay tài trợ thương mại - nhập khẩu. Tài sản bảo đảm: Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 30 tỷ đồng.

(3) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-210005788 ngày 22/01/2021 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, hạn mức cấp tín dụng là 70.000.000.000 đồng. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ

(4) Các khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương bao gồm 03 hợp đồng vay:

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 022/2021-ĐCV/OCEANBANK.PGDTRUNGZEN ngày 18/3/2021 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long, hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng số tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 30 tỷ đồng.

- Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay số 87.DN/2020-HĐCV/OCEANBANK.PGDTRUNGZEN ký vào ngày 14/8/2020 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - chi nhánh Thăng Long - phòng giao dịch Trung yên. Giá trị hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày 14/8/2020 đến ngày 14/8/2021. Khoản vay được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, phương tiện vận tải dưới 09 chỗ thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty, cổ đông (sở hữu tối thiểu 10% vốn điều lệ) và các máy móc thiết bị thuộc sở hữu hợp pháp của công ty và các công ty con.

- Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay số 32.DN/2021-HĐCV/OCEANBANK.PGDTRUNGZEN ký vào ngày 24/09/2021 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - chi nhánh Thăng Long - phòng giao dịch Trung yên. Giá trị hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày 24/9/2021 đến ngày 24/9/2022. Khoản vay được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, phương tiện vận tải dưới 09 chỗ thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty, cổ đông (sở hữu tối thiểu 10% vốn điều lệ) và các máy móc thiết bị thuộc sở hữu hợp pháp của công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

- (5) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CGY/000046/20 ký vào ngày 01/3/2021 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - chi nhánh Cầu Giấy. Giá trị hạn mức tín dụng là 85 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng sẽ có giá trị đến ngày 15/4/2021. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, tài trợ cho việc nhập khẩu, mua bán và thanh toán cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo bao gồm 02 bất động sản. Bất động sản 01 là quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ văn phòng tầng 9 tháp Tây, Tổ hợp nhà ở đa năng 28 tầng, Làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 730500, Số vào sổ cấp GCN: CS15796 do Sở Tài Nguyên và môi trường TP. Hà Nội cấp ngày 04/7/2016. Bất động sản số 02 là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 61, 154 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số BB 968058, Số vào sổ cấp GCN: CH00098 do UBND Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/05/2010.
- (6) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 202025598352 ký vào ngày 19/08/2021 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Giá trị hạn mức tín dụng là 600 triệu đồng. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.
- (7) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Tiên Phong bao gồm 2 hợp đồng vay. Cụ thể như sau:
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 173/2020/HĐTD/TTKD CGY/01 ngày 24/12/2020 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong, hạn mức cấp tín dụng là 80.000.000.000 đồng. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi số tiền ký quỹ 10 tỷ đồng tại ngân hàng và các tài sản theo Hợp đồng thế chấp 246/2019/HĐBD/TTKD CGY/02.
 - Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 65/2020/HĐTD/TTKD CGY/01 ký vào ngày 12/06/2020 và văn bản sửa đổi bổ sung số 65/2020/HĐTD/TTKD CGY/01/SĐBSHĐ.01 ngày 23/6/2021 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Giá trị hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa công nghiệp phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo.
- (8) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga: Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/134793/HĐTD ngày 09/11/2021 ký giữa Công ty TNHH Nhựa Đồng Á và Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga. hạn mức cấp tín dụng là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng 03 sổ tiết kiệm 4.2 tỷ đồng và 01 máy phủ màng PVC. Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng
- (9) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm 2 hợp đồng vay. Cụ thể như sau:
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 13709/21MB/HĐTD ngày 16/7/2021 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh, hạn mức cấp tín dụng là 3.500.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, khoản vay được bảo đảm bằng 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại PRADO, số khung JTEBX3FJ305100002, số máy 18062362TR, biển kiểm soát 30H-095.75 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đồng Á.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 25722/21MB/HĐTD ngày 10/12/2021 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh - chi nhánh Hà Nội, hạn mức cấp tín dụng là 1.500.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, khoản vay được bảo đảm bằng 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại Fortuner, số khung MHFH3FS5K0301945, số máy A6635702TR, biển kiểm soát 51H-993.89 thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á.

(10) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 140421-1186228-01-SME ký vào ngày 25/4/2021 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Hà Nội. Giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng trong đó hạn mức thực chi là 5 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, tính từ ngày 28/4/2021. Khoản vay được thế chấp bằng Toàn bộ công trình trên đất tại địa chỉ: lô 1 - Cụm CN Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ493935, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số quản lý: CQ-535, kèm theo Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 do UBND TP. Hà Nội cấp ngày 25/10/2006 đứng tên Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á.

(11) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số VN121000928-001 ký vào ngày 28/1/2021 và phụ lục hợp đồng số VN121000928-001-PL01 ký ngày 04/02/2021 của Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Giá trị hạn mức tín dụng là 35 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay từ ngày 28/01/2021 đến ngày 28/01/2022. TS thế chấp bao gồm: máy nghiền bột nhựa để sản xuất tấm Fomex, dây chuyền sản xuất tấm ốp trần bằng nhựa, dây chuyền sản xuất trần PVC mô hình SJZ65/138 và máy móc thiết bị nhà máy 2 (hệ thống máy thí nghiệm) theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 101-2021-02-HDTC/DN/006 ngày 04/02/2021.

(12) Khoản vay dài hạn ông Nguyễn Bá Hùng theo Hợp đồng vay số 55/HĐVT-DAG ngày 03 tháng 07 năm 2023, với số tiền vay là 60.012.164.384 đồng, thời hạn vay là 18 tháng, lãi suất vay là 6.3%/năm. Mục đích vay là tất toán khoản vay của công ty (nợ gốc và lãi) theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Phòng giao dịch Thành Đô, Chi nhánh Hà Nội.

(13) Khoản vay dài hạn của ông Lê Văn Việt theo hợp đồng số 68/HĐCVT/HĐ-NDA ngày 26/12/2022 ký giữa Công ty TNHH Nhựa Đông Á và ông Lê Văn Việt, thời hạn khoản vay là 36 tháng.

(14) Khoản vay ngắn hạn của ông Nguyễn Bá Hùng và Công ty Cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á theo 2 hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay số 64B/HĐ-DAG ngày 03 tháng 11 năm 2022, với số tiền vay là 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay là 0%/năm. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng vay số 79A/HĐTT-DAG ngày 27 tháng 12 năm 2022, với số tiền vay là 110.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay là 0%/năm. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh.

(15) Khoản nợ thuế tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:

- Khoản nợ thuế tài chính theo hợp đồng thuê tài chính số 2019-00064-000 ngày 10/05/2019 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về việc thuê hệ thống máy thí nghiệm, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất 7.33%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 1% giá mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

- Hợp đồng thuê tài chính số 2017-00214-000 ngày 29/09/2017 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê 3 dây chuyền sản xuất tấm ốp trần nhựa, thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất 7,8%/năm. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.
- Hợp đồng thuê tài chính số 2019-00229-000 ngày 26/12/2019 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê dây chuyền sản xuất tấm trần PVC, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất 7,43%/năm. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 1% giá mua.
- Hợp đồng thuê tài chính số 2021-00159-000 ngày 18/11/2021 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy đùn nhựa dùng để sản xuất tấm tử nhựa PVC, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất 6,9%/năm. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 1% giá mua.
- Hợp đồng thuê tài chính số 2021-00160-000 ngày 17/12/2021 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy trộn hạt nhựa và máy in mẫu, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất 6,9%/năm. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 1% giá mua.
- Hợp đồng thuê tài chính số 2022-00009-001 ngày 21/01/2022 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy gia công cao su hoặc plastic, máy đùn theysohn và máy đúc phun, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất 6,9%/năm. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 1% giá mua.

(16) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc tế Challease theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số C220315812 ngày 11/03/2022 về máy ép và đùn thanh nhựa, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất 7,93%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- (17) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính VCBL theo các hợp đồng sau:
 - Hợp đồng số 42.20.03/CTTC ngày 14/04/2020 về việc thuê máy sản xuất tấm trần với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng, lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 42.20.04/CTTC ngày 23/04/2020 về việc thuê 05 máy dán màng với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng, lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 42.20.05/CTTC ngày 19/05/2020 về việc thuê hệ thống làm lạnh, hệ thống nén khí với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 2 tháng, lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 42.20.14/CTTC ngày 20/05/2020 về việc thuê máy sản xuất tấm trần với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng, lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

- Hợp đồng số 42.20.15/CTTC ngày 20/05/2020 về việc thuê máy sản xuất tấm trần với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.20.16/CTTC ngày 20/05/2020 về việc thuê máy nghiền nhựa plastic với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.20.17/CTTC ngày 27/05/2020 về việc thuê máy trộn SRL-W500/1600 với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.20.18/CTTC ngày 06/07/2020 về việc thuê máy tấm trần thả KKP/89 A100, 02 Máy in màng Cre-600 với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.20.19/CTTC ngày 06/07/2020 về việc thuê máy nghiền bột nhựa, Máy bơm nhựa phế liệu với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.20.20/CTTC ngày 08/07/2020 về việc thuê máy trộn tấm trần thả KK99/A100 với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.20.21/CTTC ngày 08/07/2020 về việc thuê máy tấm trần thả KKP 01/A100 với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.20.22/CTTC ngày 20/05/2020 về việc thuê máy trộn tấm trần thả, máy tạo hạt, máy nén khí, máy làm lạnh với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.20.24/CTTC ngày 05/08/2020 về việc thuê máy đùn nhựa JWELL với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.20.26/CTTC ngày 30 tháng 09 năm 2020 về việc thuê dây chuyền máy đùn nhựa với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.20.27/CTTC ngày 16/10/2020 về việc thuê máy tạo hạt, 03 máy trộn với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.05/CTTC ngày 15/08/2022 về việc thuê dây chuyền sản xuất tấm Fomex với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

- Hợp đồng số 42.22.06/CTTC ngày 15/08/2022 về việc thuê dây chuyền sản xuất tấm nhựa PVC và máy cấp liệu với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.07/CTTC ngày 15/08/2022 về việc thuê máy kéo và máy cắt cỏ với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.08/CTTC ngày 23/08/2022 về việc thuê khuôn đúc bằng thép với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.09/CTTC ngày 30/08/2022 về việc thuê máy bơm nhựa, nghiền bột nhựa, máy cấp liệu với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.10/CTTC ngày 30/08/2022 về việc thuê khuôn đúc bằng thép không gỉ với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.11/CTTC ngày 12/09/2022 về việc thuê máy trộn bột nhựa và máy cán bột nhựa với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.12/CTTC ngày 15/09/2022 về việc thuê dây chuyền sản xuất tấm nhựa PVC với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.13/CTTC ngày 19/10/2022 về việc thuê máy bơm, máy nghiền và máy cấp liệu với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.14/CTTC ngày 19/10/2022 về việc thuê dây chuyền máy phủ màu và tạo bóng cho tấm nhựa PVC với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.15/CTTC ngày 07/11/2022 về việc thuê máy trộn bột nhựa trục ngang và máy cán bột nhựa và máy cân bột nhựa với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.16/CTTC ngày 22/11/2022 về việc thuê dây chuyền sản xuất tấm nhựa PVC và khuôn đúc bằng thép không gỉ với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 42.22.17/CTTC ngày 24/11/2022 về việc thuê Dây chuyền sản xuất tấm Fomex với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

- Hợp đồng số 42.22.18/CTTC ngày 05/12/2022 về việc thuê máy dán màng, máy đùn, gia công màng phủ và khuôn đúc bằng thép không gỉ với thời hạn thuê 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất cơ bản VND do VCBL công bố cộng biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.19 Vốn chủ sở hữu

4.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	%	VND	%		VND	%	VND	%	VND	%	
Tại ngày 01/01/2022	595.641.120.000		7.991.921.439		(19.840.000)	40.902.843.713		22.464.377.232		12.797.842.026		679.778.264.410
Tăng quỹ	-		-		-	-		-		7.389.285.953		7.389.285.953
Chia các quỹ	-		-		-	639.892.101		639.892.101		(1.599.730.253)		(319.946.051)
Giảm khác	-		-		-	-		-		107.605.494		107.605.494
Tại ngày 31/12/2022	595.641.120.000		7.991.921.439		(19.840.000)	41.542.735.814		23.104.269.333		18.695.003.220		686.955.209.806
Tại ngày 01/01/2023	595.641.120.000		7.991.921.439		(19.840.000)	41.542.735.814		23.104.269.333		18.695.003.220		686.955.209.806
Góp vốn	7.500.000.000		-		-	-		-		-		7.500.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-		-		-	-		-		(390.646.100.320)		(390.646.100.320)
Giảm khác	-		(7.500.000.000)		-	-		-		133.436.533.706		125.936.533.706
Tại ngày 31/12/2023	603.141.120.000		491.921.439		(19.840.000)	41.542.735.814		23.104.269.333		(238.514.563.394)		429.745.643.192

4.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thành viên góp vốn	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Số vốn đã góp	
	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	60.681.790.000	10%	60.681.790.000	10%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	30.199.940.000	5%	30.199.940.000	5%
Vốn góp của các đối tượng khác	512.259.390.000	85%	512.259.390.000	85%
Cộng	603.141.120.000	100%	603.141.120.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) Mẫu số B 09a – DN/HN
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.19.3 Cổ phiếu

<u>Ngày</u>	<u>Cổ phiếu PT lưu hành trong kỳ</u>	<u>Thời gian lưu hành</u>
01/01/2021	51.793.792	364
03/05/2021	(691)	242
03/05/2021	7.769.027	242
31/12/2021	59.562.128	-
CPPT lưu hành bình quân trong năm 2021 (lũy kế đến 31/12/2021)	56.958.454,95	
CPPT lưu hành bình quân trong năm 2020 (lũy kế đến 31/12/2020)	51.793.792	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.516)	
	Quý 4 Năm 2022	
	VND	
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(22.334.652.401)	
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm/ trong kỳ	56.958.455	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(392)	

4.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	<u>Tại ngày 31/12/2023</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023</u>
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	124	669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) Mẫu số B 09a – DN/HN
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hàng hóa	755.328.720.213	1.257.101.465.970
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.279.435.719	740.445.113
Doanh thu bán thành phẩm	447.018.102.828	534.009.440.122
Cộng	1.203.626.258.760	1.791.851.351.205

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	847.486.102.506	500.492.631.279
Giá vốn cung cấp dịch vụ	856.263.500	693.971.483
Giá vốn bán hàng hóa	420.220.961.497	1.178.200.183.773
Cộng	1.268.563.327.503	1.679.386.786.535

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.120.821.822	5.374.932.741
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		4.865.031.867
Cộng	11.120.821.822	10.239.964.608

5.4 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	78.612.755.275	69.264.553.976
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	7.483.379
Cộng	78.612.755.275	69.272.037.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) Mẫu số B 09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.5 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng		2.488.050.610
Chi phí dụng cụ đồ dùng	445.721.952	283.520.148
Chi phí khấu hao tài sản	810.932.694	634.775.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.930.536	377.480.221
Chi phí khác bằng tiền	7.056.421.042	5.497.032.444
Cộng	8.630.006.224	9.280.858.487

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.869.481.182	5.949.046.042
Chi phí vật liệu văn phòng	32.223.709	165.009.434
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	20.202.388	23.632.788
Chi phí khấu hao tài sản	3.431.702.281	3.642.987.803
Dự phòng phải thu khó đòi	87.927.396.169	-
Thuế và các khoản lệ phí	6.080.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.937.437	807.926.566
Chi phí khác bằng tiền	17.837.704.936	18.380.214.299
Cộng	114.280.728.102	28.971.816.932

5.7 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Thu nhập khác	1.941.756.218	3.730.587.401
Cộng	1.941.756.218	3.730.587.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) Mẫu số B 09a – DN/HN
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

5.8 Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý, nhượng bán	3.542.142.826	1.650.041.920
Các khoản khác		377.999.533
Cộng	3.542.142.826	2.028.041.453

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày như sau:

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(257.209.566.914)	393.208.994
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ	56.958.455	51.793.792
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.516)	8

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(257.209.566.914)	393.208.994
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ	56.958.455	51.793.792
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.516)	8

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	677.303.794.227	1.974.640.400.645
Tiền trả nợ thuê tài chính	19.489.984.969	44.964.830.699
Cộng	696.793.779.196	2.019.605.231.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) Mẫu số B 09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	Cổ đông lớn
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Ông Nguyễn Bá Hùng		
Vay	70.139.164.384	73.308.000.000
Trả gốc vay	450.000.000	124.929.000.000
Cho vay	-	-
Vay dài hạn		
Ông Nguyễn Hữu Quân		
Vay	82.100.000.000	-
Trả gốc vay	92.527.000.000	-
Ông Trần Việt Thắng		
Cho vay	1.970.000.000	-
Trả gốc vay	1.380.000.000	-
Ông Đường Ngọc Diệu		
Cho vay	1.300.000.000	-
Trả gốc vay	1.200.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát		
Cho vay	15.615.555.906	-
Trả gốc vay		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) Mẫu số B 09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)

Số dư với các bên liên quan

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ông Nguyễn Bá Hùng		
- Vay ngắn hạn	69.689.164.384	114.000.000.000
- Vay dài hạn	69.689.164.384	-
Ông Nguyễn Hữu Quân		
- Vay dài hạn	19.350.000.000	29.777.000.000
Ông Trần Việt Thắng		
- Vay ngắn hạn	590.000.000	-
Ông Đường Ngọc Diệu		
- Vay ngắn hạn	1.200.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) Mẫu số B 09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Thù lao hội đồng quản trị	67.000.000	58.000.000
Vương Trí Dũng (đến ngày 28/04/2022)		
Trần Việt Thắng (08/04/2023)	30.000.000	-
Nguyễn Xuân Trường (từ 28/04/2022 -06/04/2023)	-	30.000.000
Nguyễn Bá Hùng	19.000.000	19.000.000
Bùi Thắm Châu (Từ 26/06/2020 -06/04/2023)	-	9.000.000
Nguyễn Bá Huy (đến 28/04/2022)		
Ông Ito Junichi (đến 28/04/2022)		
Nguyễn Hữu Quân (từ 28/04/2022)	9.000.000	-
Phạm Quang Huỳnh (từ 28/04/2022)	9.000.000	-
Ban kiểm soát	17.500.000	17.500.000
Phạm Thị Thúy Hà (26/06/2020-06/04/2023)	-	7.000.000
Phạm Thế Hoàng (08/04/2023)	7.000.000	5.250.000
Hà Thanh Thủy (đến 28/04/2022)	-	-
Nguyễn Nam Cường (Từ 06/04/2023)	5.250.000	-
Ngô Thị Trang (từ 28/04/2022)	5.250.000	5.250.000
Ban tổng giám đốc	233.849.160	224.121.000
Nguyễn Bá Hùng (đến ngày 19/12/2022)	83.112.000	116.631.000
Nguyễn Hữu Quân (Từ 20/01/2023)		
Bùi Thắm Châu (Từ 09/09/2021- 19/01/2023)	-	107.490.000
Đường Ngọc Diệu (từ ngày 19/12/2022)	150.737.160	-
Cộng	318.349.160	299.621.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Mẫu số B 09a – DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)
6.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	1.170.189.571.250	2.140.745.778.584	33.436.687.510	131.993.605.269	1.203.626.258.760	2.272.739.383.853
Giá vốn hàng bán	(1.235.271.938.179)	(1.427.796.499.285)	(33.291.389.324)	(125.795.143.625)	(1.268.563.327.503)	(1.553.591.642.910)
Lợi nhuận theo bộ phận	-65.082.366.929	712.949.279.299	145.298.186	6.198.461.644	-64.937.068.743	719.147.740.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo Mẫu số B 09a – DN/HN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2023 và kết thúc ngày 30/09/2023:

Chi tiêu	Sản xuất		Thương mại		Dịch vụ	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND			
Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023							
Doanh thu							
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	447.018.102.828	755.328.720.213	1.279.435.719	-	-	-	1.203.626.258.760
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	447.018.102.828	755.328.720.213	1.279.435.719				1.203.626.258.760
Giá vốn							
Giá vốn bán hàng ra bên ngoài	847.486.102.506	420.220.961.497	856.263.500	-	-	-	1.268.563.327.503
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng giá vốn	847.486.102.506	420.220.961.497	856.263.500				1.268.563.327.503
Kết quả kinh doanh bộ phận	-400.467.999.678	335.107.758.716	423.172.219				(64.937.068.743)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	11.120.821.822	11.120.821.822
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	78.612.755.275	78.612.755.275
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	8.630.006.224	8.630.006.224
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	114.280.728.102	114.280.728.102
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh							(255.339.736.522)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	1.941.756.218	1.941.756.218
Chi phí khác	-	-	-	-	-	3.542.142.826	3.542.142.826
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	269.443.784	269.443.784
Tổng lợi nhuận sau thuế							(257.209.566.914)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp):

Chỉ tiêu	Sản xuất VND	Thương mại VND	Dịch vụ VND	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2023	683.574.640.376	1.155.039.482.784	-	-	1.838.614.123.160
Tài sản của bộ phận	683.574.640.376	1.155.039.482.784	-	-	207.055.794.870
Tài sản không phân bổ	-	-	-	207.055.794.870	207.055.794.870
Tổng tài sản	415.076.102.917	701.356.163.483	-	-	2.045.669.918.030
Nợ phải trả của bộ phận	415.076.102.917	701.356.163.483	-	-	1.116.432.266.400
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	549.880.173.723	549.880.173.723
Tổng nợ phải trả	-	-	-	549.880.173.723	1.666.312.440.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Mẫu số B 09a – DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp):

Chỉ tiêu	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	534.009.440.122	1.257.101.465.970	740.445.113	-	1.791.851.351.205
Tổng doanh thu	534.009.440.122	1.257.101.465.970	740.445.113	-	1.791.851.351.205
Giảm trừ doanh thu		29.714.036.453			29.714.036.453
Giá vốn					
Giá vốn bán hàng ra bên ngoài	500.492.631.279	1.178.200.183.773	693.971.483	-	1.679.386.786.535
Tổng chi phí	500.492.631.279	1.178.200.183.773	693.971.483	-	1.679.386.786.535
Kết quả kinh doanh bộ phận	33.516.808.843	78.901.282.197	46.473.630	-	82.750.528.217
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	6.644.128.525	6.644.128.525
Chi phí tài chính	-	-	-	46.964.573.993	46.964.573.993
Chi phí bán hàng	-	-	-	6.785.120.281	6.785.120.281
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	21.588.289.508	21.588.289.508
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh					14.056.672.960
Thu nhập khác	-	-	-	5.039.559.389	5.039.559.389
Chi phí khác	-	-	-	2.946.973.745	2.946.973.745
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	4.789.550.646	4.789.550.646
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Tổng lợi nhuận sau thuế					11.359.707.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.2. Báo cáo bộ phận (TIẾP)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp):

Chi tiêu	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022					
Tài sản của bộ phận	749.600.677.492	1.764.620.697.251	-	-	2.514.221.374.743
Tài sản không phân bổ	-	-	-	335.691.605.848	335.691.605.848
Tổng tài sản	749.600.677.492	1.764.620.697.251	-	335.691.605.848	2.849.912.980.591
Nợ phải trả của bộ phận	553.969.370.785	1.304.088.759.100	-	-	1.858.058.129.885
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	99.068.140.376	99.068.140.376
Tổng nợ phải trả	553.969.370.785	1.304.088.759.100	-	99.068.140.376	1.957.126.270.261

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) Mẫu số B 09a – DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được trình bày trên giả định là Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

7.5 Số liệu so sánh

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 4 năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2022 và kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được công bố.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024



Đồng Nhâm Tuấn
Người lập



Phạm Thị Phượng
Kế toán trưởng



Đường Ngọc Diệu
Tổng Giám đốc